

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN



ĐỀ ÁN

MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành: Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh

Mã số: 7220201

Tên cơ sở đào tạo: Học viện Chính sách và Phát triển

Trình độ: Đại học

HÀ NỘI – NĂM 2021

MỤC LỤC

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH NGÔN NGỮ ANH Ở HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	3
1.1. Giới thiệu về Học viện Chính sách và Phát triển.....	3
1.2. Sự cần thiết mở ngành Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh đào tạo trình độ đại học	5
1.3. Sự khác biệt của ngành Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh với ngành Ngôn ngữ Anh của các trường đại học khác.....	9
1.4. Kinh nghiệm đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh của các trường đại học và sự vận dụng cho Học viện Chính sách và Phát triển	11
1.4.1. Chương trình đào tạo của nhân ngôn ngữ Anh của các trường đại học trên thế giới và trong nước	11
1.4.2. Sự vận dụng của Học viện Chính sách và Phát triển trong việc đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh	16
PHẦN 2: NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO	19
2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển.....	19
2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo	19
2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo	19
2.1.3. Tỷ lệ sinh viên Học viện tốt nghiệp có việc làm trong 2 năm gần nhất	21
2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu.....	22
2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	32
2.3.1. Phòng học, giảng đường, sân bãi.....	32
2.3.2. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập.....	32
2.3.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo.....	34
2.3.4. Ký túc xá cho chuyên gia và sinh viên	35
2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	35
2.4.1 Đề tài khoa học đã thực hiện.....	35
2.4.2. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học ...	39
PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	43
3.1. Mục tiêu đào tạo	43
3.1.1. Mục tiêu chung	43
3.1.2. Mục tiêu cụ thể.....	43

3.1.3. Về trình độ ngoại ngữ và tin học.....	44
3.1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường.....	44
3.2. Chuẩn đầu ra	45
3.2.1. Về kiến thức.....	45
3.2.2. Về kỹ năng	46
3.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	47
3.3. Khối lượng kiến thức toàn khóa	50
3.5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	51
3.6. Cách thức đánh giá (thang điểm)	51
3.7. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo	52
3.8. Nội dung chương trình.....	53

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH NGÔN NGỮ ANH Ở HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Giới thiệu về Học viện Chính sách và Phát triển

Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập ngày 04/01/2008 theo Quyết định số 10/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư - cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê. Học viện chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- ❖ **Tên tiếng Việt:** Học viện Chính sách và Phát triển
- ❖ **Tên viết tắt tiếng Việt:** HCP
- ❖ **Tên tiếng Anh:** Academy of Policy and Development
- ❖ **Tên viết tắt tiếng Anh:** APD
- ❖ **Cơ quan Bộ chủ quản:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- ❖ **Địa chỉ:** Khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.
- ❖ **Số điện thoại:** (024) 37473186; **Fax:** (024) 37475217
- ❖ **Website:** <http://apd.edu.vn>

Học viện được thành lập với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi như sau:

- **Sứ mạng:** Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học về chính sách công, kinh tế, quản lý và các lĩnh vực khác theo nhu cầu xã hội có tư duy năng động sáng tạo, đủ năng lực làm việc ở môi trường trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách.
- **Tầm nhìn:** Đến năm 2045, Học viện hướng tới là cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu, đạt chuẩn quốc gia và khu vực Đông Nam Á về chất lượng, nằm trong nhóm các trường đại học có uy tín thuộc khối ngành kinh tế và quản lý ở Việt Nam.
- **Mục tiêu:** Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên

cứu khoa học tạo ra tri thức, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng sống và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc trong và ngoài nước.

➤ **Giá trị cốt lõi:** Chất lượng – Trí tuệ - Phát triển

Trải qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển, Học viện đã từng bước trở thành cơ sở đào tạo có uy tín trong hệ thống giáo dục quốc dân. Hiện tại, Học viện có 9 ngành bậc đại học (Kinh tế, Quản lý nhà nước, Tài chính-Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Quản trị kinh doanh, Kinh tế phát triển, Kế toán, Luật kinh tế, và Kinh tế số) với 19 chuyên ngành hệ đại trà, 04 chuyên ngành chuẩn quốc tế (chuyên ngành Kinh tế đối ngoại, chuyên ngành Tài chính, chuyên ngành Đầu tư và chuyên ngành Quản trị kinh doanh). Học viện đào tạo sau đại học trình độ Thạc sĩ với 06 chuyên ngành (Chính sách công, Tài chính - ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế Phát triển, Quản trị Kinh doanh và Kinh tế quản lý công – Chương trình liên kết đào tạo với trường Đại học Rennes 1 - Pháp). Tính đến hết tháng 6/2021, Học viện đã có 8 khoá với tổng số hơn 3000 học viên đã tốt nghiệp. Tỷ lệ học viên tốt nghiệp luôn đạt khoảng 80% so với số tuyển vào.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu của Học viện gồm các Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ được đào tạo tại các trường đại học uy tín ở trong nước và nước ngoài. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ trở lên (không kể PGS) trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là khoảng 30%. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao tính thực tiễn trong đào tạo, Học viện đã mời các chuyên gia từ các Cơ quan quản lý Nhà nước, Viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, giảng viên từ nhiều trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước tham gia giảng dạy.

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị của Học viện được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu dạy học và nghiên cứu khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế với hệ thống phòng học, phòng máy, thư viện và ký túc xá đầy đủ tiện nghi,

hiện đại.

Trong xu thế hội nhập quốc tế, Học viện đang triển khai nhiều chương trình hợp tác với các tổ chức quốc tế như: Đại học Indiana, Đại học Purdue, Đại học Portland, Đại học tổng hợp bang California (Hoa Kỳ), Đại học Middlesex, Đại học Loughborough, Học viện ngoại giao London (Vương quốc Anh); Đại học Quốc tế Nhật Bản - IUJ, Viện Nghiên cứu chính sách công GRIPS (Nhật Bản); Đại học Nantes, Đại học Rennes 1; Đại học Rouen, Đại học Paris 1 Pantheon – Sorbonne, Trường Hành chính công quốc gia – ENA (Pháp); Đại học Southern Cross (Úc); Đại học tổng hợp Rome 2 (Ý), Học viện Anh ngữ EV (Philippines); Đại học Lausanne (Thụy Sĩ); Đại học MESSI (Nga), Đại học UTA (Phần Lan); Đại học Quốc gia Seoul (Hàn Quốc); Trường Chính sách công Lý Quang Diệu (Singapore)...các tổ chức quốc tế như: KOICA, USAID, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam,...

Để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, ngày 29/06/2018, Học viện chính thức hoàn tất kiểm định chất lượng giáo dục và đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo) cấp Giấy chứng nhận đạt chất lượng giáo dục theo 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đặc biệt, ngày 08 tháng 10 năm 2020, Học viện đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với 03 Ngành đào tạo trình độ đại học là: Kinh tế; Kinh tế quốc tế và Quản trị Kinh doanh. Các kết quả kiểm định trên đã khẳng định vị thế, uy tín, chất lượng đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển và là đòn bẩy quan trọng giúp Học viện cải tiến, hướng tới tiêu chuẩn chất lượng khu vực và quốc tế trong giai đoạn 2020 - 2025.

1.2. Sự cần thiết mở ngành Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh đào tạo trình độ đại học

Để đánh giá nhu cầu thực tế của thị trường lao động đối với nguồn nhân lực ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh, Học viện Chính sách và Phát triển đã tiến hành khảo sát 52 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đại diện cho các nhà tuyển dụng và 120 sinh viên đã tốt nghiệp

chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế/Kinh doanh/Thương mại. Dựa trên việc phân tích kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo của xã hội và nghiên cứu chiến lược phát triển của Học viện, nhóm nghiên cứu đưa ra đề xuất rằng việc mở ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh – trình độ đại học xuất phát từ 03 lý do chính: (1) đáp ứng nhu cầu xã hội đối với đội ngũ nhân lực chất lượng cao (2) đáp ứng chỉ đạo của Chính phủ về mục tiêu nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ cho nguồn nhân lực Việt Nam; (3) phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện. Dưới đây là những phân tích cụ thể của các lý do nêu trên:

Thứ nhất, việc mở ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hiện nay, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến thị trường lao động Việt Nam, mở ra nhiều cơ hội việc làm mới cho nguồn nhân lực nước ta. Theo thống kê trên trang Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 20/09/2021, đã có 94 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam trong 9 tháng đầu năm, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 22,15 tỷ USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm ngoái ^[1]¹. Dữ liệu thống kê trên trang Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cũng cho thấy, trong năm 2020, tuy chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng số lượng doanh nghiệp được thành lập mới tại Việt Nam là 134.941 doanh nghiệp, chỉ giảm nhẹ 2.3% so với năm 2019. 8 tháng đầu năm 2021 ghi nhận số doanh nghiệp thành lập mới là 81.584 doanh nghiệp, tập trung chủ yếu ở khu vực Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh ^[2]². Như vậy, có thể thấy rằng, số lượng doanh nghiệp trong nước và đầu tư nước ngoài gia tăng sẽ dẫn đến nhu cầu tăng cao cả về số lượng và chất lượng của nguồn nhân lực. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam đã là thành viên của các tổ chức kinh tế quốc tế: WTO, ASEAN, APEC... và chúng ta đã ký với

¹ Website: <https://www.mpi.gov.vn/Pages/default.aspx>

² Website: <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/Pages/Trangchu.aspx>

các nước ASEAN khác về các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) trong 8 lĩnh vực ngành nghề nhằm công nhận lẫn nhau về bằng cấp và trình độ của lao động có kỹ năng, thúc đẩy lao động có tay nghề được dịch chuyển tự do.

Điều này đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với nguồn nhân lực nước ta. Việc phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, là một bước đột phá chiến lược và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Một trong những yêu cầu đối với nguồn nhân lực chất lượng cao đó là yêu cầu về việc sử dụng thành thạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh để có thể hoạt động trong nhiều môi trường kinh doanh khác nhau.

Trong phụ lục báo cáo khảo sát về nhu cầu nhân lực đối với cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh, trong số 52 đại diện cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hầu hết các doanh nghiệp đều đánh giá nhu cầu đối với ngành này ở mức độ cao (32,46%) và rất cao (44,4%). Kết quả khảo sát cho thấy, tại thời điểm hiện tại, đa số các doanh nghiệp (76.9%) đều có sử dụng nhân sự tốt nghiệp từ ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế, Kinh doanh hoặc Thương mại. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy, trong vòng từ 5 tới 10 năm tới, tất cả các doanh nghiệp được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng nhân sự có trình độ tiếng Anh cao và có kiến thức về kinh tế và kinh doanh để làm việc tại doanh nghiệp mình.

Nắm bắt được nhu cầu xã hội này, hiện nay, số lượng các trường đại học đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế, kinh doanh và Thương mại là khá lớn. Tuy nhiên, chỉ có khoảng hơn 10 trường Đại học đào tạo ngành ngôn ngữ Anh tại Hà Nội có chất lượng đào tạo tốt như Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội, Trường Đại học Hà Nội, Viện Đại học mở, Trường Đại học sư phạm Hà Nội. Vì vậy, nguồn nhân lực chất lượng cao, vừa có chuyên môn vừa giỏi ngoại ngữ vẫn còn sự thiếu hụt lớn.

Thứ hai, việc mở ngành Ngôn ngữ Anh đáp ứng chỉ đạo của Chính phủ về mục tiêu nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ cho nguồn nhân lực Việt

Nam.

Ngay thời gian đầu triển khai với những văn bản ban hành liên quan đến Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân thì tinh thần hướng đến mục tiêu nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ cho nguồn nhân lực Việt Nam của Chính phủ đã được nhấn mạnh rất rõ. Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án ‘Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020’ về mục tiêu chung: “Đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo, nhằm đến năm 2015 đạt được một bước tiến rõ rệt về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ của nguồn nhân lực, nhất là đối với một số lĩnh vực ưu tiên, đến năm 2020 đa số thanh niên Việt Nam tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hóa; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.” và mục tiêu về việc dạy và học ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục đại học: “Đối với các cơ sở giáo dục đại học không chuyên ngữ, chương trình đào tạo mới phải có mức kiến thức đạt trình độ tối thiểu là bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ sau khóa tốt nghiệp.”

Sau khi đánh giá hiệu quả của Đề án, Chính phủ đã quyết định điều chỉnh bổ sung thời gian thực hiện và Ngân sách cho Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trước mắt đến năm 2025, thay vì 2020 như kế hoạch ban đầu. Thông qua đó, việc mở ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh cũng là quyết định hợp lý đáp ứng mục tiêu chung “nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu học tập và làm việc; tăng cường năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước” được nêu ra trong Quyết định số 2080/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025” ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2017.

Thứ ba, việc mở ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện.

Trong quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng học viện Học viện Chính sách và Phát triển, sứ mạng của Học viện là “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học về chính sách công, kinh tế, quản lý và các lĩnh vực khác theo nhu cầu xã hội, có tư duy năng động sáng tạo, đủ năng lực làm việc ở môi trường trong nước và quốc tế” và tầm nhìn “đến năm 2045, Học viện hướng tới là cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu, đạt chuẩn quốc gia và khu vực Đông Nam Á về chất lượng, nằm trong nhóm các trường đại học có uy tín thuộc khối ngành kinh tế và quản lý ở Việt Nam”.

Trong bối cảnh đó, việc mở thêm ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh sẽ giúp Học viện đào tạo ra nguồn nhân lực có kiến thức tốt về kinh tế, năng lực sử dụng ngoại ngữ thành thạo, có kỹ năng tin học, giao tiếp, kỹ năng tư duy đáp ứng được yêu cầu của xã hội sau khi tốt nghiệp, có đủ tự tin làm việc tại các công ty, tập đoàn trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, việc mở ngành mới là nhằm đa dạng ngành nghề và nhu cầu chọn ngành học của sinh viên, giúp Học viện thích ứng kịp thời với bối cảnh và tác động của Cách mạng công nghệ 4.0. Điều này đáp ứng đúng với mục tiêu đào tạo nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế mà Học viện đã đề ra.

Xuất phát từ những lý do trên, việc mở ngành Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh của Học viện Chính sách và Phát triển là hết sức cần thiết và hoàn toàn khả thi trong giai đoạn hiện nay.

1.3. Sự khác biệt của ngành Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh với ngành Ngôn ngữ Anh của các trường đại học khác

Cả nước hiện nay có khá nhiều trường đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Mặc dù nhiều trường cùng đào tạo nhưng nhu cầu cả người học tiếng Anh lẫn người sử dụng lao động đối với nhân lực có kiến thức kinh tế lẫn năng lực sử dụng

tiếng Anh vẫn chiếm tỷ lệ cao. Ngoài ra mỗi trường đều có một chuyên ngành riêng thuộc ngành Ngôn ngữ Anh dựa trên điểm mạnh cũng như nhu cầu của trường đó. Dựa vào thông tin đã tham khảo và cập nhật ở các trường, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp và đưa ra bảng thống kê các chuyên ngành được đào tạo tại các trường đại học trên cả nước. Trong bảng thống kê có liệt kê về các chuyên ngành đào tạo, các trường đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh (cập nhật năm 2021), và điểm đầu vào (niên khoá 2021 – 2025).

STT	Chuyên ngành	Các trường đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh(năm 2021)	Điểm đầu vào (2021)	Ghi chú
1.	Tiếng Anh Thương mại	Đại học Ngoại Thương	165	37.55	Ngoại ngữ nhân hệ số 2
		Đại học Kinh tế tp HCM	150	27	
		Đại học Văn Hiến	130	19	
		Đại học Thương Mại	250	26.7	
		Đại học Hàng Hải	180	34.75	Ngoại ngữ nhân hệ số 2
		Đại học Ngân Hàng tp HCM	200	26.46	
		Học viện Ngân hàng	150	26.5	
2.	Tiếng Anh Tài chính - Ngân hàng	Học viện Tài chính	200	35.77	Ngoại ngữ nhân hệ số 2
3.	Tiếng Anh tài chính kế toán	Đại học Kinh tế Quốc dân	140	37.3	Ngoại ngữ nhân hệ số 2

Dựa trên việc tìm hiểu và phân tích các chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, nhóm nghiên cứu thấy được một thực tế rằng các trường đại học trên cả nước hiện nay hầu hết tập trung vào đào tạo Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại, ngoài ra các trường có tính đặc thù như Học viện Tài chính có ngành đào tạo là Tiếng Anh Tài chính Ngân hàng hay Đại học Kinh tế quốc dân đào tạo chuyên ngành Tiếng Anh Tài chính kế toán. Việc đào tạo Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh tạo nên được những sự khác biệt với các trường khác cùng đào tạo Ngôn ngữ Anh như sau:

Thứ nhất, ở các cơ sở đào tạo khác hầu hết tập trung nhiều vào kiến thức ngôn ngữ Anh và kiến thức thương mại, kinh tế chung chung. Chính vì vậy, chương trình ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và kinh

doanh tập trung vào kiến thức ngôn ngữ Anh (40.7%) và kiến thức chuyên sâu về Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh (18.8%). Với kiến thức của chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh, khi ra trường sinh viên có kiến thức chuyên ngành nền tảng và nâng cao về dịch thuật Anh-Việt, Việt-Anh, về kinh tế, thương mại quốc tế, tài chính, marketing, giao tiếp kinh doanh, vv...

Thứ hai, việc đào tạo chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh giúp Học viện khác biệt là do có thể tận dụng được ưu thế của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Có thể tham khảo cũng như tham vấn chuyên gia có kinh nghiệm về chuyên ngành này trong Bộ. Sinh viên chuyên ngành này khi đi thực tập có thể làm việc tại các Sở, ban ngành, cơ quan trực thuộc Bộ và thậm chí có những vị trí việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

Thứ ba, khi sinh viên học chuyên ngành hoàn toàn mới tức là tăng thêm cơ hội học tập những môn mới, đồng thời tăng cơ hội tuyển dụng được những nhân lực ở chuyên ngành mới cho các nhà sử dụng lao động.

1.4. Kinh nghiệm đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh của các trường đại học và sự vận dụng cho Học viện Chính sách và Phát triển

Hiện nay, việc đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh đã được thực hiện tại một số trường đại học lớn ở trong nước và quốc tế. Nhóm đề án mở ngành của Học viện Chính sách và Phát triển đã nghiên cứu và rút ra kinh nghiệm đào tạo từ một số trường như sau:

1.4.1. Chương trình đào tạo của nhân ngôn ngữ Anh của các trường đại học trên thế giới và trong nước

Đại học Oxford, Anh Quốc

Đại học Oxford, Anh quốc là đại học hàng đầu trong đào tạo ngôn ngữ nói chung và Ngôn ngữ Anh nói riêng.

Học Ngôn ngữ Anh tại đại học Oxford mang đến cho người học kiến thức về tiếng Anh từ nguồn gốc tại Anglo-Saxon cho đến ngày nay. Khoá học Ngôn ngữ Anh tại đây cho phép người học phần nào được tự lựa chọn theo sự phát triển của sở thích cá nhân.

Khoa tiếng Anh, đại học Oxford là khoa tiếng Anh lớn nhất ở Anh. Sinh viên được giảng dạy hướng dẫn bởi các chuyên gia trong lĩnh vực ngôn ngữ. Thư viện tiếng Anh tại Oxford đặc biệt tốt. Tất cả sinh viên đều có quyền truy cập vào Thư viện Bodleian (với bộ sưu tập bản thảo phong phú), thư viện Khoa tiếng Anh, thư viện trường đại học của riêng họ và nhiều loại tài nguyên điện tử.

Chương trình đào tạo tập trung trong ba năm. Trong năm đầu tiên, sinh viên sẽ được giới thiệu các công cụ, khái niệm và kỹ thuật được sử dụng trong nghiên cứu ngôn ngữ, cũng như một loạt các giả định và phương pháp tiếp cận quan trọng khác nhau. Sinh viên cũng sẽ làm công việc hướng dẫn về văn học thời trung cổ, thời Victoria hoặc hiện đại ban đầu được viết bằng tiếng Anh. Trong năm thứ hai và thứ ba, sinh viên sẽ mở rộng nghiên cứu ngôn ngữ Anh và lịch sử văn học Anh. Kết thúc ba năm học sinh viên sẽ làm luận văn tốt nghiệp. Luận văn năm cuối tạo cơ hội để viết một bài nghiên cứu mở rộng về một chủ đề đã chọn bằng ngôn ngữ hoặc văn học tiếng Anh, hoặc một chủ đề so sánh tập hợp các nghiên cứu bằng cả tiếng Anh và ngôn ngữ sinh viên đã chọn.

Đại học Harvard

Harvard là một trong những trường đại học tốt nhất trên thế giới nằm ở Cambridge, Massachusetts trong Khu vực Boston. Đây là một tổ chức có quy mô vừa phải với số lượng tuyển sinh khoảng 7,147 sinh viên. Tuyển sinh có tính cạnh tranh cao vì tỷ lệ chấp nhận của Harvard chỉ khoảng 5%.

Khoa Ngôn ngữ học tại Đại học Harvard tự hào về nhiều khóa học có sẵn, quy mô nhỏ và các cơ hội đặc biệt. Sinh viên trình độ ngôn ngữ được khuyến khích kết hợp ngôn ngữ học với một lĩnh vực được liên kết hoặc tham gia vào chương trình Tâm trí / Não bộ / Hành vi, một chương trình liên ngành cho phép sinh viên tham gia các khóa học cụ thể, tiến hành nghiên cứu và tham gia vào các sự kiện.

Trên thực tế, nhiều cơ hội có thể truy cập bên ngoài các chương trình đặc biệt, bao gồm các hội thảo, hội thảo do bộ phận tài trợ, và các cuộc thảo luận thân thiện giữa giảng viên và sinh viên.

Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ của đại học Harvard chủ yếu tập trung vào các khía cạnh của ngôn ngữ như: Khoa học ngôn ngữ, Cấu trúc từ, Âm thanh của ngôn ngữ, Giới thiệu về Ngôn ngữ học Lịch sử, Lý thuyết cú pháp, Lý thuyết âm vị học, Lý thuyết ngữ nghĩa, Hình thái học, vv... Từ đó sinh viên có được nền tảng vững chắc để phát triển trong ngành ngôn ngữ sau khi hoàn thành chương trình học.

Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân có chất lượng tốt, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ 5 theo Khung năng lực ngôn ngữ chung Châu Âu), có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ văn hóa các nước nói tiếng Anh, có kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác trong các lĩnh vực như biên phiên dịch, quản trị văn phòng, nghiên cứu ngôn ngữ và quốc tế học.

Người học cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Nội dung chương trình đào tạo với tổng số tín chỉ là 128, trong đó có Khối kiến thức chung (16 tín chỉ); Khối kiến thức chung theo lĩnh vực (9 tín chỉ); Khối kiến thức chung của khối ngành (10 tín chỉ); Khối kiến thức theo nhóm ngành (57 tín chỉ); Khối kiến thức ngành (36 tín chỉ).

Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh có 4 định hướng chuyên ngành: Quản trị học, Phiên dịch, Ngôn ngữ học ứng dụng, Quốc tế học;

- Sinh viên hoàn thành chương trình Ngôn ngữ Anh định hướng Quản trị học có khả năng nắm vững và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về quản trị, đặc biệt là quản trị văn phòng, có các kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc liên quan đến công tác quản trị văn phòng như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột v.v...;

- Sinh viên hoàn thành chương trình Ngôn ngữ Anh định hướng Phiên dịch có khả năng nắm vững các kiến thức về lý thuyết dịch, có thể áp dụng các kiến thức này trong công tác biên phiên dịch. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu và các kỹ năng về nghiệp vụ biên phiên dịch để thực hiện công tác biên dịch, phiên dịch trong môi trường trong nước và quốc tế;

- Sinh viên hoàn thành chương trình Ngôn ngữ Anh định hướng Ngôn ngữ học ứng dụng có khả năng nắm vững các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và ngôn ngữ học ứng dụng, có kỹ năng nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, ngôn ngữ học ứng dụng, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, văn phòng, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai;

- Sinh viên hoàn thành chương trình Ngôn ngữ Anh định hướng Quốc tế học có khả năng nắm vững các kiến thức chuyên sâu về khu vực và các vấn đề quốc tế, đặc biệt là các vấn đề của các nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, có các kỹ năng nghiên cứu trong lĩnh vực quốc tế học nhằm phục vụ các công việc liên quan đến quốc tế học như nghiên cứu, đối ngoại, báo chí, truyền thông...;

Vị trí công việc có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp:

- Định hướng Quản trị văn phòng: Nhân viên quản trị văn phòng, Nhân viên quản lý dự án, Nhân viên quản trị nhân sự, Nhân viên điều hành du lịch, Cán bộ truyền thông, Trợ lý/quản trị kinh doanh.

- Định hướng Phiên dịch: Biên dịch viên/ Phiên dịch viên/ Biên tập viên, Thư ký văn phòng/ Trợ lý đối ngoại/ Hướng dẫn viên du lịch.

- Định hướng Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng: cán bộ giảng dạy Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ học ứng dụng tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và ngôn ngữ khác, cán bộ nghiên cứu khoa học chuyên ngành ngôn ngữ, ngôn ngữ học ứng dụng, cán bộ phụ trách báo chí truyền thông tại các cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương, tư vấn cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình, biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản song ngữ và làm việc tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện.

- Định hướng Quốc tế học: cán bộ giảng dạy môn đất nước học tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và Quốc tế học, cán bộ nghiên cứu khoa học chuyên ngành Quốc tế học, cán bộ đối ngoại tại các cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương cũng như làm các công việc báo chí, xuất bản liên quan đến mảng văn hóa, chính trị.

Đại học Ngoại thương

Sinh viên Ngôn ngữ Anh sau khi tốt nghiệp trường Đại học Ngoại thương sẽ có năng lực nghiên cứu và sử dụng thành thạo Tiếng Anh trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế; có kiến thức kinh tế, kinh doanh và quản lý cần thiết để thích ứng với môi trường kinh doanh quốc tế; hiểu biết về văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị và phong tục của các nước bản ngữ. Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm việc tại các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các văn phòng đại diện, các tổ chức quốc tế, các tổ chức kinh tế và tài chính trong nước, quốc tế và khu vực.

Chương trình cử nhân Ngôn ngữ Anh ngoài các môn chung theo quy định thì tại đại học Ngoại Thương tập trung vào đào tạo chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại với một số môn học như sau: Ngôn ngữ kinh tế thương mại - Nguyên lý kinh tế, Kinh doanh quốc tế, Giao tiếp kinh doanh, Nguyên lý Marketing, Tài chính, Hợp đồng Thương mại Quốc tế.

Khung chương trình Ngôn ngữ Anh đào tạo trong 4 năm được xây dựng dựa trên các khối kiến thức bao gồm: Khối kiến thức giáo dục đại cương (chiếm 26%); Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (chiếm 73%).

Sinh viên được lựa chọn chương trình đào tạo riêng cho mình dưới sự tư vấn, đề xuất của cố vấn học tập theo chương trình chung

Cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường cũng rất phong phú, trong đó tập trung nhiều tại các doanh nghiệp trong nước, các văn phòng đại diện, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các tổ chức kinh tế và tài chính quốc tế và khu vực.

Đại học Tôn Đức Thắng

Hiện nay, khoa Ngoại Ngữ trường ĐH Tôn Đức Thắng đang đào tạo ngành Ngôn Ngữ Anh với 2 định hướng Sư Phạm và Thương Mại. Tại đây, sinh viên sẽ được trang bị toàn diện về cả kiến thức chuyên môn, ngôn ngữ và văn hóa Anh, Mỹ lẫn các kỹ năng tiếng Anh; được bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và tác phong chuyên nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp được cung cấp nền tảng kiến thức và kỹ năng mềm để chuẩn bị cho nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục và các ngành khác có liên quan đến trình độ tiếng Anh.

Cấu trúc chương trình:

- Kiến thức cơ sở, bao gồm: khoa học chính trị, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, ngoại ngữ hai, thái độ sống/ kỹ năng mềm.
- Kiến thức chuyên ngành, bao gồm: Kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên môn, môn tốt nghiệp.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể tự tin làm việc trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề ở môi trường làm việc trong nước và quốc tế. Tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, sinh viên thường làm việc tại các vị trí như: Nhân viên văn phòng các cơ quan, công ty, xí nghiệp trong và ngoài nước; Phiên dịch viên, cộng tác viên các trung tâm dịch thuật, văn phòng công chứng; Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên điều phối du lịch, Giáo viên tại các trung tâm ngoại ngữ; các Trường THPT, THCS, Tiểu học..., Nhân viên các văn phòng tư vấn, hợp tác quốc tế, Điều phối viên.

1.4.2. Sự vận dụng của Học viện Chính sách và Phát triển trong việc đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh

Theo kinh nghiệm đào tạo Ngôn ngữ Anh từ các trường đại học khác tại Việt Nam và trên thế giới, cùng với nguồn lực hiện tại của Học viện Chính sách và Phát triển, nhóm nghiên cứu xin đưa ra một số giải pháp phù hợp để vận dụng cho Học viện Chính sách và Phát triển trong việc đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh như sau:

- a. *Xác định chuẩn đầu ra và vị trí việc làm của sinh viên*

Việc xác định chuẩn đầu ra và vị trí việc làm của sinh viên đóng vai trò quan trọng đối với tất cả các ngành học, trong đó có ngành Ngôn ngữ Anh. Từ việc xác định chuẩn đầu ra, nhà trường sẽ xây dựng chiến lược đào tạo hợp lý, mang lại cơ hội việc làm tốt cho sinh viên và đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Về cơ bản cơ hội việc làm của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh thiên về những công việc cần sử dụng đến tiếng Anh nhiều và chủ yếu như sư phạm, biên – phiên dịch. Tuy nhiên tại Học viện ngành Ngôn ngữ Anh với chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh cơ hội việc làm được mở rộng sang cả khối ngành kinh tế. Các công việc phù hợp với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh trong vòng 20 năm tới có thể định hướng là chuyên gia trong các lĩnh vực:

- Ngành kinh doanh, tài chính: cung cấp cơ hội việc làm đa dạng cho sinh viên học ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Kinh tế.
- Ngành Marketing, báo chí và quan hệ công chúng: là những ngành có việc làm cần tới ngôn ngữ Anh, đặc biệt với đối tượng là doanh nghiệp nước ngoài.
- Ngành Biên dịch: phụ trách dịch tài liệu, hợp đồng, tin tức,... từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại; chuyên ngữ trong các cuộc họp, đàm phán hợp đồng, sự kiện,...
- Ngành sư phạm và học thuật: ngành ngôn ngữ Anh cũng là một bước đệm tốt để phát triển kiến thức, kỹ năng sư phạm cần thiết.
- Ngành nhân sự, tuyển dụng: Sinh viên ngành ngôn ngữ Anh sẽ có lợi thế khi làm việc trong ngành nhân sự, nhất là tại các doanh nghiệp nước ngoài có mong muốn tổ chức các cuộc phỏng vấn tuyển dụng bằng tiếng Anh.

b. Xây dựng chương trình đào tạo chuẩn và có điểm nổi bật.

Đảm bảo việc xây dựng chương trình đào tạo theo quy định với tổng số tín chỉ từ 125 đến 135. Ngoài các kiến thức cơ bản và kiến thức chung về kỹ năng tiếng, thực hành tiếng, kiến thức chuyên ngành về Kinh tế và Kinh doanh cũng được chú trọng, đặc biệt các kiến thức được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh như:

- Các môn học liên quan tới ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh
- Các môn học liên quan tới biên dịch trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh
- Các môn học liên quan tới ngôn ngữ

c. Hợp tác với các viện nghiên cứu ngôn ngữ và các doanh nghiệp trong và ngoài nước

Việc hợp tác với các viện nghiên cứu ngôn ngữ có tiếng và các doanh nghiệp trong nước có hợp tác quốc tế và các doanh nghiệp nước ngoài sẽ tạo điều kiện tốt cho sinh viên ngành ngôn ngữ Anh nói riêng và toàn Học viện nói chung. Với các viện nghiên cứu, là một ngành mới trong Học viện thì tận dụng kết quả nghiên cứu của các viện nghiên cứu ngôn ngữ là một bước đi cần thiết và quan trọng trong việc triển khai ban đầu cũng như việc phát triển về sau. Việc hợp tác này sẽ giúp Học viện có định hướng đào tạo chuẩn theo quy định đồng thời tạo điều kiện cho giảng viên và sinh viên có cơ hội nghiên cứu khoa học chuyên sâu về ngành Ngôn ngữ Anh hơn. Bên cạnh đó, các viện nghiên cứu cũng có thể có thêm nguồn nhân lực hỗ trợ họ trong các dự án cần triển khai với số lượng lớn người tham gia.

Với các doanh nghiệp trong nước có hợp tác quốc tế và các doanh nghiệp nước ngoài, sinh viên có cơ hội làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, được áp dụng vốn kiến thức tiếng Anh và kiến thức chuyên ngành kinh tế vào trong thực tế công việc. Với việc hợp tác này, doanh nghiệp sẽ giúp Học viện có định hướng rõ ràng trong việc đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực mà xã hội đang cần, đồng thời giúp sinh viên có thêm cơ hội việc làm tốt hơn sau khi ra trường. Ngoài ra, việc kết hợp này cũng giúp doanh nghiệp có thêm lựa chọn cho nguồn nhân lực họ cần.

PHẦN 2: NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển

2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Tính đến thời điểm đến tháng 9/2021, Học viện Chính sách và Phát triển có 09 mã ngành đào tạo bậc đại học (Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Kinh tế Phát triển, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Luật kinh tế, Kế toán và Kinh tế số) với 23 chuyên ngành/chương trình đào tạo. Trong đó, có 04 chương trình chuẩn quốc tế (Kinh tế đối ngoại, Tài chính, Đầu tư và Quản trị kinh doanh) và 19 chương trình đại trà. Dự kiến trong năm học 2021-2022 Học viện sẽ mở thêm Ngành đào tạo mới là Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh trong kinh tế và kinh doanh.

Học viện đào tạo sau đại học trình độ Thạc sỹ có 06 chuyên ngành đào tạo (Chính sách công, Tài chính - ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế Phát triển, Quản trị Kinh doanh và Kinh tế quản lý công – Chương trình liên kết đào tạo với trường Đại học Rennes 1 - Pháp).

2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

Trong khoảng thời gian 13 năm thành lập, Học viện có 12 năm đào tạo trình độ đại học, 08 năm đào tạo Thạc sỹ. Học viện tuân thủ các quy định liên quan đến công tác đào tạo và ban hành các văn bản quản lý về QLĐT. Trong 5 năm gần đây, Học viện đã sắp xếp lại các ngành học, phát triển thêm 4 ngành học mới, sửa đổi, bổ sung toàn bộ các chương trình đào tạo. Học viện đã xây dựng và công khai khoảng hơn 200 đề cương chi tiết các học phần. Sự phát triển này xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện và đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội. Các chương trình đào tạo mới xây dựng được tham khảo từ các chương trình của các nước tiên tiến, có sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học trong và ngoài trường, của các nhà sử dụng lao động, các cựu sinh viên của trường. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Các chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, liên thông, đáp ứng được chuẩn đầu ra.

Đào tạo bậc đại học gồm: Hình thức đào tạo đại học hệ chính quy với quy mô tuyển sinh từ 1000 - 1200 sinh viên/khóa; hình thức đào tạo chất lượng cao (tuyển sinh từ năm 2015) đáp ứng yêu cầu xã hội về nguồn nhân lực có chất lượng cao;

Học viện Chính sách và Phát triển luôn hướng đến chính sách phục vụ người học theo quan điểm “Người học là trung tâm” và đồng thời là “chủ thể tương tác nâng cao chất lượng đào tạo”. Người học được Học viện hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người học tại Học viện được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc, tạo điều kiện để tu dưỡng, rèn luyện bằng các biện pháp thiết thực, hiệu quả, mà còn tham gia vào quá trình đánh giá các khâu, quy trình, chương trình đào tạo, chất lượng phục vụ. Các sinh viên tại Học viện có chỉ số năng lực tốt, có nền tảng kiến thức phổ thông vững chắc, sức học tốt; thái độ tinh thần học tập chăm chỉ, tự tin, thể hiện được năng lực của bản thân, có khả năng đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng và của xã hội nói chung.

Học viện đã có 8 khóa sinh viên tốt nghiệp, trong đó: năm 2014 là 267 sinh viên, năm 2015 là 317 sinh viên, năm 2016 là 277 sinh viên, năm 2017 là 395 sinh viên, năm 2018 là 454 sinh viên, năm 2019 là 591 sinh viên, năm 2020 là 650 sinh viên, tính đến tháng 8 năm 2021 là 636 sinh viên. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp luôn đạt khoảng 70% đến 80% so với số tuyển vào. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đạt trên 90%, trong đó khoảng 30% có việc làm đúng ngành đào tạo.

Đào tạo bậc sau đại học gồm: đào tạo trình độ Thạc sỹ với 5 khóa về các chuyên ngành Chính sách Công, Tài chính Ngân hàng tại Học viện và đào tạo Thạc sỹ cho các vùng trọng điểm của quốc gia: Quảng Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Điện Biên, Đà Nẵng và một số tỉnh nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các vùng này. Học viện tuyển sinh cao học từ năm 2015 và trong 5 năm qua đã tuyển hơn 400 học viên cao học. Riêng đào tạo Tiến sỹ Học viện

đang xin chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sẽ triển khai giảng dạy vào thời gian tới.

Hình thức đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ cho người học: Học viện thường xuyên và định kỳ mở các lớp đào tạo ngắn hạn bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ cho người học về các lĩnh vực: Đầu thầu cơ bản, nâng cao; Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu. Đào tạo theo nhu cầu xã hội bao gồm: Đào tạo theo đơn đặt hàng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam về Kỹ năng sư phạm nâng cao.

Các chương trình học đều được đánh giá phù hợp với nhu cầu xã hội và thực hiện theo đúng quy trình quản lý, có tài liệu môn học, đảm bảo chất lượng đào tạo thông qua các ý kiến phản hồi của người học về các khóa đào tạo.

2.1.3. Tỷ lệ sinh viên Học viện tốt nghiệp có việc làm trong 2 năm gần nhất

Xét trong quy mô toàn Học viện, tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tăng hàng năm, theo báo cáo tổng hợp về khảo sát cựu sinh viên ra trường, tỷ lệ sau 12 tháng có việc làm đạt trên 96%.

Người học tại Học viện Chính sách và Phát triển hoàn toàn có đủ năng lực và kỹ năng để tự tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Theo Kết quả khảo sát sơ bộ của Phòng Chính trị và Công tác sinh viên và các Khoa quản lý sinh viên về tình hình sinh viên tự tìm việc làm và tạo việc làm đối với Cựu sinh viên khóa 1, 2, 3, 4, 5, 6 có 78,9% sinh viên làm khu vực ngoài nhà nước và 15,3% sinh viên làm trong khu vực nhà nước. Nhằm tạo điều kiện hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm, ngay trong thời gian học tại Học viện, thông qua giới thiệu của giảng viên các khoa và trong quá trình thực tập, nhiều người học đã tiếp cận được với cơ hội nghề nghiệp và có việc làm sau khi vừa tốt nghiệp.

Học viện đã tiến hành khảo sát mức độ phù hợp việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả điều tra cho thấy, bình quân trong 4 năm gần đây có 69,6% sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo có xu hướng tăng theo từng năm. Cụ thể, năm 2015, tỷ lệ này là 58,56%, năm 2016 là 62,38%, năm 2017 là 71,06%, năm 2018 là 77,16%. Trong số các sinh viên

đã tốt nghiệp của Học viện đã tốt nghiệp, có nhiều sinh viên thực sự trưởng thành và có khả năng tạo được việc làm cho người khác.

2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

Tổng số cán bộ, giảng viên của Học viện tính tại thời điểm tháng 9/2021 là 136 người, trong đó có 95 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 68,9% tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu toàn Học viện. Cơ cấu gồm 03 người là Phó Giáo sư, 45 người là Tiến sỹ (không kể PGS), 79 người là Thạc sỹ. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sỹ trở lên (không kể PGS) trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 42,1%. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu của Học viện có trình độ Thạc sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 57,5%.

Đội ngũ giảng viên của Học viện đủ khả năng đáp ứng điều kiện về giảng viên khi mở ngành ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo trình độ đại học theo quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, cụ thể:

**Bảng 2.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần
trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ Cử nhân**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
1.	Trần Trọng Nguyên , 1972, Phó Giám đốc Học viện	PGS, 2015	Tiến sỹ Việt Nam	Kinh tế	Đại học Kinh tế quốc dân, Viện Toán học...	5 giáo trình và sách chuyên khảo, 02 đề tài cấp Nhà nước, 03 đề tài NCKH cấp Bộ, 40 bài báo khoa học, 10 kỷ yếu hội thảo,...	Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê toán
2.	Giang Thanh Tùng , 1967, Phó giám đốc Học viện		Tiến sỹ, Nga (Liên Xô cũ), 1993	Luật Quốc tế	1993, Trường Quan hệ Quốc tế Mát-xcơ-va, Nga (Liên Xô cũ)	Chủ nhiệm và tham gia 6 đề tài khoa học; 08 bài báo	Pháp luật đại cương
3.	Ngô Phúc Hạnh , 1977, Trưởng khoa	PGS, 2014	Tiến sỹ, Việt Nam	Quản lý Kinh tế	2008, Đại học Thương mại	04 giáo trình, chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở, tác giả hoặc đồng tác giả của 29 bài báo	Phương pháp nghiên cứu khoa học
4.	Vũ Thị Minh Luận , 1975, Trưởng Khoa		Tiến sỹ, Việt Nam	Kinh tế	Đại học Kinh tế quốc dân	05 sách chuyên khảo, 04 bài báo khoa học, 04 kỷ yếu hội thảo	Quản trị đa văn hóa Kinh tế doanh nghiệp

5.	Bùi Thúy Vân, 1977, Trưởng Khoa		Tiến sỹ, Việt Nam	Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế quốc dân	01 giáo trình, 03 đề tài NCKH cấp Bộ, 04 bài báo khoa học	Văn hóa kinh doanh Thư tín Kinh doanh
6.	Đào Hoàng Tuấn, 1985, Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế		Tiến sỹ, Hoa Kỳ	Vĩ mô quốc tế, tài chính quốc tế	2013, Boston College, Hoa Kỳ	Tham gia 14 đề tài, 3 giáo trình và nhiều công trình nghiên cứu khoa học khác	Ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh 1: Nguyên lý Marketing, Ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh 3: Lý thuyết tài chính tiền tệ Ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh 2: Nguyên lý Kế toán
7.	Lưu Minh Đức, 1977, Giảng viên		Tiến sỹ, Australia	Kinh tế chính trị	2018, The University of Sydney, Australia	Chủ nhiệm 1 đề tài cấp bộ, 1 đề tài cấp viện, tham gia 9 đề tài, 4 bài báo	Giới thiệu về hành vi tổ chức Giới thiệu về quản trị Tài chính doanh nghiệp Đầu tư quốc tế
8.	Tổng Hưng Tâm, 1969, Giảng viên chính		Tiến sỹ, Philippines	Ngôn ngữ học	2016, Đại học Sư phạm Tổng hợp Philippine Normal, Philippines	03 đề tài NCKH, 15 bài báo khoa học, 03 bài viết kỷ yếu hội thảo quốc tế, 01 bài viết kỷ yếu hội thảo quốc gia, 2 bài dự hội thảo KH, 1 giáo trình	Ngôn ngữ học đối chiếu; Phân tích diễn ngôn

9.	Đỗ Thị Hoa, 1986, Phó Trưởng bộ môn		Thạc sỹ, Việt Nam	Quản trị Kinh doanh;Ngôn ngữ Anh	2013, ĐH Kinh tế quốc dân; 2021, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 2 đề tài khoa học, 1 giáo trình, 3 bài đăng tạp chí, 1 bài dự hội thảo KH	Giao thoa văn hóa; Ngữ âm – âm vị học
10	Phạm Thị Diệu Linh, 1985, Phó Trưởng bộ môn		Tiến sỹ, Việt Nam; Thạc sỹ, Việt Nam	Kinh tế phát triển; Ngôn ngữ Anh	2021, Viện Chiến lược Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 2021, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 3 đề tài khoa học, 1 giáo trình, 7 bài đăng tạp chí, 1 bài dự hội thảo KH	Văn hóa kinh doanh; Thư tín Kinh doanh
11	Nguyễn Thị Hồng Mến, 1980, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2013, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, tham gia 3 đề án, 1 bài đăng tạp chí, 1 báo cáo khoa học	Thực hành biên dịch 1,2; Ngữ pháp
12	Bùi Thị Thanh Mai, 1981, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2016, Đại học Quốc gia Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, tham gia 3 đề án	Thực hành tiếng – Nghe; Thực hành tiếng - Nói
13	Cao Thu Hằng, 1984, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2012, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, tham gia 1 đề tài, 3 đề án, 1 báo cáo khoa học	Thực hành tiếng – Đọc ; Thực hành tiếng – Viết
14	Đỗ Thị Thanh Hà, 1985, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2014, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, tham gia 1 đề tài, 3 đề án, 1 bài đăng tạp chí, 1 báo cáo khoa học	Tiếng Anh học thuật Nghe; Tiếng Anh học thuật Nói

15	Phạm Thị Hồng Liên, 1986, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2012, Đại học Quốc gia Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, Tham gia 3 đề án, 1 bài đăng tạp chí, 1 báo cáo khoa học	Tiếng Anh học thuật Đọc; Tiếng Anh học thuật Viết
16	Phạm Thị Hà, 1986, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2020, Đại học Sư phạm Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, tham gia 1 đề tài, 3 đề án	Tiếng Anh thực hành 1; Tiếng Anh thực hành 2
17	Nguyễn Thị Thùy Dương, 1994, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2020, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài	Tiếng Anh thực hành 1; Tiếng Anh thực hành 2
18	Trần Thị Trúc, 1973, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt nam, 2011	Kinh tế phát triển	2019, Đại học Kinh tế Quốc dân	6 bài báo, 2 báo cáo khoa học	Kinh tế vi mô 1; Kinh tế vĩ mô 1
19	Tô Trọng Hùng, 1984, Giảng viên		Tiến sỹ, Hoa Kỳ	Kinh tế	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	Tham gia 14 đề tài, 3 giáo trình và nhiều công trình nghiên cứu khoa học khác	Kinh tế vi mô 1; Kinh tế vĩ mô 1
20	Phạm Mỹ Hằng Phương, 1990, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam	Kinh tế	2019, Đại học Quốc gia	Tham gia 3 đề tài cấp Quốc gia, 2 đề tài cấp Bộ, 10 bài báo khoa học, 2 giáo trình, 1 sách chuyên khảo	Thương mại điện tử căn bản; Đàm phán thương mại quốc tế

21	Đỗ Thanh Hương , 1988, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt nam	Tài chính Ngân hàng	2019, Đại học Thương Mại	Tham gia 4 đề tài, 1 bài báo	Thương mại điện tử căn bản; Đàm phán thương mại quốc tế
22	Nguyễn Tiến Hùng , Trưởng phòng CTSV		Tiến sỹ Việt Nam	Triết học	Học viện Hành chính quốc gia	Chủ nhiệm 01 đề tài khoa học cấp Bộ, 01 đề tài cấp cơ sở, 04 giáo trình và sách tham khảo, 10 bài báo khoa học	Triết học Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh
23	Vũ Thị Nhài , 1973, Giảng viên		Tiến sỹ Việt Nam	Tài chính ngân hàng	Đại học Kinh tế quốc dân	01 đề tài cấp Bộ, 03 sách chuyên khảo, 18 bài báo khoa học	Lý thuyết tài chính tiền tệ; Thị trường chứng khoán
24	Ngô Minh Thuận , 1981, Phó Trưởng Bộ môn		Tiến sỹ, Việt Nam	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử	2015, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH QG Hà Nội	01 đề tài cấp cơ sở, 04 giáo trình, 08 bài báo khoa học	Triết học Mác-Lênin; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.
25	Đào Văn Mừng , 1968, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Triết học	2006, Đại học Quốc gia Hà Nội	Tác giả và đồng tác giả 4 giáo trình, 5 bài đăng tạp chí, 1 đề tài khoa học cấp Bộ, 1 đề tài khoa học cấp trường	Chủ nghĩa xã hội khoa học; Kinh tế Chính trị Mác – Lênin.
26	Đỗ Thế Dương , 1981, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Công nghệ điện tử viễn thông	2011, Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	Đồng tác giả 3 giáo trình nội bộ, 1 sách tham khảo, 1 bài kỷ yếu hội thảo, 1 bài đăng tạp chí quốc tế	Tin học đại cương

27	Nguyễn Văn Tuấn, 1979, Phó trưởng bộ môn		Thạc sỹ, Việt Nam	Toán giải tích	2006, Đại học Khoa học tự nhiên, ĐH QGHN	Đồng tác giả 3 cuốn sách, 1 đề tài và 2 bài đăng tạp chí	Toán cao cấp, Xác suất thống kê
28	Trần Thị Hương Trà, 1990, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Toán ứng dụng	2015, Viện Toán	Tham gia 02 đề tài NCKH 03 bài báo đăng tạp chí và kỷ yếu hội thảo	Toán cao cấp, Xác suất thống kê.

**Bảng 2.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành, giảng viên giảng dạy
các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành của ngành Ngôn ngữ Anh**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo sau Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1)	Tổng Hưng Tâm , 1969, Giảng viên chính		Tiến sỹ, Philippines	Ngôn ngữ học	2016, Đại học Sư phạm Tổng hợp Philippine Normal, Philippines	03 đề tài NCKH, 15 bài báo khoa học, 03 bài viết kỷ yếu hội thảo quốc tế, 01 bài viết kỷ yếu hội thảo quốc gia, 2 bài dự hội thảo KH, 1 giáo trình
2)	Đỗ Thị Hoa , 1986, Phó Trưởng bộ môn		Thạc sỹ, Việt Nam	Quản trị Kinh doanh, Ngôn ngữ Anh	2013, ĐH Kinh tế quốc dân 2021, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 2 đề tài khoa học, 1 giáo trình, 3 bài đăng tạp chí, 1 bài dự hội thảo KH
3)	Phạm Thị Diệu Linh , 1985, Phó Trưởng bộ môn		Tiến sỹ, Việt Nam; Thạc sỹ, Việt Nam	Kinh tế phát triển; Ngôn ngữ Anh	2021, Viện Chiến lược Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 2021, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 3 đề tài khoa học, 1 giáo trình, 7 bài đăng tạp chí, 1 bài dự hội thảo KH
4)	Nguyễn Thị Hồng Mến , 1980, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2013, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, tham gia 3 đề án, 1 bài đăng tạp chí, 1 báo cáo khoa học

5)	Bùi Thị Thanh Mai, 1981, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2016, Đại học Quốc gia Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, tham gia 3 đề án
6)	Cao Thu Hằng, 1984, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2012, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, tham gia 1 đề tài, 3 đề án, 1 báo cáo khoa học
7)	Đỗ Thi Thanh Hà, 1985, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2014, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, tham gia 1 đề tài, 3 đề án, 1 bài đăng tạp chí, 1 báo cáo khoa học
8)	Phạm Thị Hồng Liên, 1986, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2012, Đại học Quốc gia Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, Tham gia 3 đề án, 1 bài đăng tạp chí, 1 báo cáo khoa học
9)	Phạm Thị Hà, 1986, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2020, Đại học Sư phạm Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài, tham gia 1 đề tài, 3 đề án
10)	Nguyễn Thị Thùy Dương, 1994, Giảng viên		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2020, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài
11)	Hoàng Thị Thu Huyền, 1988, Trợ lý Khoa		Thạc sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	2017, Đại học Hà Nội	Chủ nhiệm 1 đề tài

Bảng 2.3. Danh sách cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vi, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành
1	Tổng Hưng Tâm , 1969, Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2016	Ngôn ngữ học
2	Đỗ Thị Hoa , 1986, Phó Trưởng bộ môn	Thạc sĩ, 2013, 2021	Quản trị Kinh doanh, Ngôn ngữ Anh
3	Phạm Thị Diệu Linh , 1985, Phó Trưởng bộ môn	Tiến sĩ, 2021	Kinh tế Phát triển

Bảng 2.4. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy chuyên ngành:

Các giảng viên thỉnh giảng ngành Ngôn ngữ Anh được mời từ các trường Đại học có uy tín, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo đại học, CSĐT	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Đỗ Thị Thúy Vân, 1981, Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm KHXH VN		Tiến sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	- Đề tài: 3 - Bài báo: 9
2	Vương Thị Hải Yến, 1977, Khoa Ngân hàng, Học viện Tài Chính.		Tiến sỹ, Việt Nam	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	Đại học KHXH &NV - ĐHQGHN	- Đề tài: 05 - Bài báo: 04 - Hội thảo: 08
3	Đinh Văn Hậu 1972, Giảng viên chính, ĐHQG Hà Nội		Tiến sỹ, Trung Quốc	Văn học hiện đương đại Trung Quốc	Đại học Sư phạm Hoa Trung, Trung Quốc	- Đề tài: 03 - Bài báo: 07

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

2.3.1. Phòng học, giảng đường, sân bãi

Hiện nay, Học viện đang tổ chức đào tạo sinh viên chính quy tại cơ sở chính tại Khu đô thị Nam An Khánh với diện tích 6 ha bao gồm 04 tòa nhà A, B, C, D. Học viện có đủ số phòng học, phòng thực hành phục vụ cho dạy, học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH.

Tính đến tháng 10/2021, Học viện đang sử dụng 53.351m² sàn xây dựng tại 04 tòa A, B, C, D để triển khai các hoạt động của Học viện. Trong đó, Học viện đã có 47 phòng học tại tòa nhà giảng đường 07 tầng (Nhà C) với 6 phòng học trên 100 chỗ; 24 phòng từ 50 – 100 chỗ, 20 phòng 50 chỗ. 100% phòng học đều có máy chiếu, đầy đủ điều kiện cần thiết về thiết bị, ánh sáng đảm bảo đáp ứng tốt cho công tác giảng dạy và học tập. Ngoài ra, Học viện có thể sử dụng 01 Hội trường 800 chỗ; 01 hội trường 400 chỗ tại tòa nhà hiệu bộ để tổ chức các hoạt động khi có nhu cầu.

Ngoài diện tích đang sử dụng tại tòa nhà giảng đường C, Học viện có khu sân bãi, nhà thi đấu đa năng tại để phục vụ môn học Giáo dục thể chất, Quốc phòng và các hoạt động thể dục, thể thao của sinh viên với diện tích sàn xây dựng khoảng 6.400m². Trang thiết bị phục vụ hoạt động văn nghệ, thể thao của sinh viên được cung cấp đầy đủ: bóng đá, cầu lông, vợt cầu lông, dây nhảy, đích đá, đích darts, cọc tiêu,...

Tính bình quân số m² diện tích phòng học, giảng đường và sân bãi thực hành trên đầu sinh viên là 10,3m². Học viện tổ chức học 02 ca trong ngày, sáng từ 8h00 đến 11h40', chiều từ 13h00 đến 16h40'.

2.3.2. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập

Học viện có đủ số lượng trang thiết bị giảng dạy đáp ứng đủ yêu cầu của thiết kế CTĐT. Các phòng học đều được trang bị ánh sáng, bàn, ghế, bảng, điều hòa, quạt máy, máy chiếu, máy tính, hệ thống âm thanh, Internet đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của từng chương trình đào

tạo. Học viện có 49 máy chiếu kèm màn hình, 11 tivi 50 inch, 40 bộ âm thanh Shure, 150 quạt trần, 2000 bộ bàn ghế sinh viên, 40 bộ bàn ghế vi tính tại phòng máy.

Trang thiết bị dạy và học đang sử dụng được giảng viên và sinh viên đánh giá có chất lượng đạt yêu cầu; Học viện có đội ngũ cán bộ kỹ thuật hỗ trợ vận hành các trang thiết bị trong phòng học, đội ngũ này sẽ có trách nhiệm bảo dưỡng, bảo trì và kịp thời sửa chữa các trang thiết bị hỏng hóc, đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo.

Học viện có phòng thực hành tin học, ngoại ngữ diện tích 240 m² với 80 máy tính được kết nối Internet, phòng được thiết kế theo tiêu chuẩn yêu cầu chất lượng dịch vụ TESTSITE của Công ty cổ phần IIG Việt Nam phù hợp với đào tạo tin học, ngoại ngữ theo chuẩn IC3. Phòng thực hành tin học, ngoại ngữ có nội quy sử dụng và sổ theo dõi tình trạng trang bị máy móc, có sổ theo dõi tần suất sử dụng và liên hệ sửa chữa, khắc phục sự cố khi cần thiết.

Các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được khai thác tối đa vì sinh viên học kín các giảng đường 2 buổi/ngày.

Thiết bị tin học của Học viện tính đến hết năm 2020 gồm có 125 máy tính để bàn, 11 máy tính xách tay; trong đó máy tính xách tay và 45 máy tính để bàn được dùng trong công tác quản lý và 80 máy tính để bàn được dùng phục vụ công tác đào tạo. Các thiết bị tin học khác bao gồm có 4 máy photocopy, 4 máy scan, 31 máy in, 20 máy chiếu, 80 màn chiếu. Các thiết bị này được khai thác sử dụng vào mục đích đáp ứng nhu cầu quản lý, đào tạo ở trường. Nhà trường đã trang bị hệ thống internet cáp quang với 02 đường truyền tốc 100MB/s và tất cả các khu vực trong Học viện đều được trang bị wifi miễn phí dành cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Học viện có CSDL về hoạt động đào tạo ở tất cả bậc đào tạo và được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và của Học viện. CSDL được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, Học viện có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo giúp người học chủ động trong việc lựa chọn môn học, đẩy nhanh hay rút ngắn thời gian

học tập. CSDL đào tạo bao gồm thông tin tuyển sinh, chương trình học, danh mục môn học, thời khóa biểu, điểm tổng kết, các văn bản quy định về hoạt động đào tạo, danh sách sinh viên được các đơn vị liên quan (P.QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, Phòng KHTC, các Khoa/bộ môn, Phòng CT&CTSV,...) truy cập và sử dụng phục vụ công tác quản lý.

Tất cả các phần mềm được sử dụng đều có bản quyền: phần mềm kế toán misa, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm thư viện. Cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện đều được cung cấp email công vụ và được truy cập Internet miễn phí. Sinh viên theo học trong trường đều được cung cấp tài khoản đăng ký tín chỉ. Ngoài ra sinh viên khi vào thư viện đều có máy tính dung để tra cứu tài liệu.

2.3.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

Thư viện của Học viện có đủ số lượng các đầu sách đáp ứng yêu cầu trong danh mục của mỗi chương trình đào tạo, đảm bảo cho các học phần thuộc chương trình đào tạo. Tổng số đầu sách trong Thư viện hiện có là 3.230 với tổng số bản là 31.000, trong đó: 2.500 đầu sách tiếng Việt (28.922 bản) và 230 đầu sách tiếng Anh (2.078 bản). Giáo trình mua có 440 đầu sách (3.000 bản), giáo trình do Học viện tự xuất bản có 06 đầu sách (1.920 bản). Các đầu sách được bổ sung và cập nhật hàng năm. Ngoài ra, Thư viện còn có 38 đầu tạp chí khoa học chuyên ngành, 07 đầu báo phục vụ giải trí đều được mua hàng năm. Thư viện có khoảng 445 luận văn, 244 luận án phục vụ cho học tập, giảng dạy và NCKH. Riêng đối với các sách, tạp chí ngành luật, thư viện hiện có hơn 80 đầu sách (khoảng 1600 bản), giáo trình, tạp chí dành cho sinh viên tham khảo chuyên ngành luật. Hệ thống tài liệu trên được quản lý dựa trên phần mềm tích hợp quản trị thư viện I-lib.

Tổng diện tích sử dụng của Thư viện hiện nay là 246 m² bao gồm khu vực bàn làm việc của cán bộ, kho sách, kho báo tạp chí, kho tài liệu nội sinh và khu vực đọc sách có sức chứa khoảng 120 chỗ ngồi.

Bên cạnh thư viện truyền thống, Học viện xây dựng thư viện số với nguồn tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài phong phú, đa dạng, được cập nhật thường xuyên (có khoảng 1,2 triệu đầu tài liệu) tại địa chỉ: <http://thuvienso.apd.edu.vn/> và

có liên kết tới thư viện số của khoảng 81 trường đại học trong cả nước (thể hiện trong website thư viện số). Tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên đang làm việc, học tập và nghiên cứu tại Học viện đều được cấp tài khoản sử dụng thư viện số miễn phí. Số liệu thống kê trên thư viện số được tổng hợp hàng năm để đánh giá mức độ sử dụng thư viện cũng như điều chỉnh kế hoạch bổ sung tài liệu, khai thác thư viện hiệu quả hơn.

2.3.4. Ký túc xá cho chuyên gia và sinh viên

Ngoài khu giảng đường khang trang với các thiết bị hiện đại, khu ký túc xá của Học viện có sức chứa lên đến 1200 người, bao gồm 2 khu cạnh nhau. Thứ nhất là khu nhà ở cho chuyên gia/giảng viên thỉnh giảng 07 tầng gồm 60 phòng, với sức chứa 02-04 người/phòng.

Khu ký túc xá thứ hai dành cho sinh viên nằm ngay trong tòa nhà D với 11 tầng được trang bị đầy đủ các thiết bị khác như: điều hòa, bình nóng lạnh, khu giặt – là, giường tầng gắn với bàn học, không gian phơi đồ thông thoáng, công trình phụ khép kín, hành lang rộng rãi với thang máy phục vụ 24/24.

Để đáp ứng nhu cầu trao đổi, học tập của sinh viên, khu ký túc xá còn có 3 phòng sinh hoạt chung để các bạn có thể trao đổi học tập, tổ chức sinh hoạt tập thể.

2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

2.4.1 Đề tài khoa học đã thực hiện

Hoạt động NCKH tại Học viện Chính sách và Phát triển bao gồm các hoạt động về nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách tập trung các lĩnh vực: Chính sách phát triển, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế quốc tế, Tài chính - Ngân hàng, Quy hoạch phát triển; Triển khai, xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Học viện. Học viện chú trọng đầu tư vào các đề tài NCKH gắn liền với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu về đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ và các vấn đề nghiên cứu công nghệ phục vụ trực tiếp cho việc dạy học của giảng viên và sinh viên. Đồng thời, khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tập trung đầu tư đề tài NCKH các cấp; có bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và

quốc tế phù hợp với định hướng nghiên cứu để có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Học viện đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong việc NCKH và tiếp cận khai thác chương trình Quốc tế theo phương thức hiện đại, thông qua các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế với các nước có nền giáo dục hiện đại hơn, tiệm cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện cho giảng viên được bồi dưỡng năng lực giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Học viện; góp phần thực hiện kiểm định chương trình đào tạo, kiểm định cơ sở giáo dục. Học viện đã từng bước khẳng định vị thế của mình trong quan hệ hợp tác quốc tế với các trường đại học và các tổ chức trên thế giới.

Trong 5 năm gần đây, Tổng số nhiệm vụ KH-CN các cấp được giao là 49 đề tài/đề án khoa học (Trong đó có: 02 đề tài cấp nhà nước; 22 đề tài/đề án khoa học cấp bộ; 125 đề tài/đề án khoa học cấp cơ sở và 469 đề tài do sinh viên thực hiện). Tuy nhiên, số đề tài/đề án khoa học phải gia hạn thời gian thực hiện là 11 đề tài/đề án khoa học chiếm tỷ lệ 22% tổng số đề tài/đề án khoa học.

Số lượng các bài báo được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước hàng năm đều tăng nhanh, từng bước đáp ứng được yêu cầu theo định hướng nghiên cứu của Học viện. Trong các bài báo được đăng tải trên các tạp chí quốc tế của các giảng viên tại Học viện đã có 05 bài được đăng tải trên tạp chí có chỉ số ISI và SCOPUS, 15 bài được đăng trên tạp chí quốc tế; 8 bài đăng trong hội thảo quốc tế; 122 bài đăng trong hội thảo trong nước, 34 bài đăng trong hội thảo của Học viện và hàng trăm bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành của Việt Nam.

Hàng năm Học viện đều đã có những đề tài nghiên cứu được thực hiện thành công để góp phần giải quyết một số vấn đề của địa phương (Giải pháp phát triển ngành công nghiệp, du lịch,...) hoặc của Trung ương (phát triển kinh tế vĩ mô, môi trường vùng,...) được nghiệm thu và được đánh giá có đóng góp cho khoa học và có giá trị ứng dụng thực tế. Tiêu biểu là đề tài “Cơ sở khoa học và giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế bền vững các vùng kinh tế

trọng điểm ở Việt Nam” thuộc chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020, mã số KC.09/16-20 do Học viện chủ trì và được các Bộ ban ngành, doanh nghiệp xác nhận có giá trị và được dùng cho việc tham khảo đối với cơ quan tham mưu, hoạch định chính sách và điều hành nền kinh tế.

Học viện đã thành lập tổ nghiên cứu mạnh là Tổ nghiên cứu và tư vấn kinh tế vĩ mô gồm các giảng viên có kinh nghiệm để phối hợp với các nhà khoa học nước ngoài tham vấn chính sách cho Giám đốc và tham gia đấu thầu các đề tài/dự án khoa học và công nghệ.

Theo định hướng phát triển Học viện là trường đại học nghiên cứu nên công tác nghiên cứu khoa học luôn là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu bên cạnh công tác đào tạo. Trong những năm qua, Học viện đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Học viện đã thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo với sự tham gia của các nhà khoa học có uy tín trong và ngoài Học viện, các chuyên gia đầu ngành từ Viện Chiến lược, Viện Nghiên cứu và Quản lý kinh tế Trung ương, Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia,... Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã chỉ đạo, định hướng công tác nghiên cứu khoa học của Học viện theo đúng nhiệm vụ của Bộ KH&ĐT đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên của Học viện.

Thứ hai, Học viện triển khai thực hiện nhiều đề tài, đề án cấp Bộ, trong đó có nhiều đề tài, đề án quan trọng mà kết quả các đề tài đề án được sử dụng để tham mưu các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, cụ thể như: các Đề án được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao (*Đánh giá và kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả đối với một số chính sách phát triển do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất đã được các cấp có thẩm quyền ban hành, Xác định phạm vi nợ công và trần nợ công an toàn của Việt Nam giai đoạn 2014-2020, Nghiên cứu cải cách thể chế kinh tế Việt Nam giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn 2025*), các đề tài khoa học cấp Bộ (*Xây dựng phương pháp đánh giá xếp hạng tín dụng doanh nghiệp Việt Nam, Xúc tiến hình thành trung tâm tài chính để thu hút đầu tư từ*

các ngân hàng, công ty tài chính và quỹ đầu tư lớn, Nghiên cứu về những thách thức, thuận lợi trong thu hút đầu tư nước ngoài và sự chuẩn bị của Việt Nam khi gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN...). Học viện đóng vai trò nòng cốt của tổ điều phối và nhóm thư ký theo Quyết định số 1737/QĐ-BKHĐT ngày 26/11/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT để triển khai “*Đề án cải cách cơ chế phối hợp trong quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô*” ban hành kèm theo Quyết định số 1317/QĐ-TTg ngày 06/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Học viện đang triển khai nghiên cứu đề tài “*Vai trò của Nhà nước trong phát triển thị trường vốn và tài chính*” được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới.

Thứ ba, Học viện đã chủ trì tổ chức nhiều Hội thảo khoa học lớn với sự tham gia của nhiều chuyên gia đến từ các Bộ, Viện nghiên cứu như: Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia, Đại học Kinh tế quốc dân, Viện Chiến lược phát triển, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương... như hội thảo: “*Diễn đàn bền vững Việt Nam*” vào các năm 2017, 2018, 2019, “*Nhìn lại chính sách tài chính, tiền tệ với mục tiêu kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính*” phối hợp với Viện Ngân hàng Tài chính - Đại học Kinh tế Quốc dân, tổ chức ngày 25/4/2013, Hội thảo “*Lạm phát và Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*” tổ chức ngày 22/5/2013 dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Đặng Huy Đông, được sự tài trợ của Cơ quan Phát triển quốc tế của Hoa kỳ (USAID), Hội thảo “*Lập kế hoạch SMART và xây dựng đồng thuận quốc gia để phát triển Hàn Quốc thoát khỏi đói nghèo và tăng trưởng kinh tế kỳ diệu*” tổ chức ngày 16/01/2014 do KOICA tài trợ, Hội thảo “*Chiến lược Tăng trưởng xanh phát triển đất nước*” tổ chức ngày 29/10/2014, Hội thảo “*Liên kết chiến lược với các doanh nghiệp toàn cầu, công cụ chính sách thúc đẩy kinh doanh quốc tế và Đầu tư trực tiếp nước ngoài – nghiên cứu trường hợp chuỗi dự án liên kết toàn cầu của Hàn Quốc (GAPS)*” tổ chức ngày 05/02/2015,...

Bên cạnh đó, Học viện đã tổ chức nhiều buổi tọa đàm khoa học, các hội thảo cấp Khoa, Bộ môn và cấp Học viện theo nhiều chuyên đề và chủ đề với sự đóng góp của các chuyên gia trong và ngoài nước đến từ các cơ quan, tổ chức

(Ngân hàng nhà nước, KOICA, USAID), trường đại học uy tín (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng...) nhằm mục đích nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Thứ tư, Học viện đã có đội ngũ giảng viên là các Phó giáo sư, Tiến sỹ được đào tạo tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, có năng lực nghiên cứu khoa học, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ được đánh giá cao, nhiều công trình đăng tải trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước, đặc biệt là rất nhiều công trình nghiên cứu có giá trị thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế. Kết quả của các công trình nghiên cứu của giảng viên đã được các cơ quan tham mưu chính sách của Chính phủ sử dụng để hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Là một trường Đại học công lập, mục tiêu và nhiệm vụ của Học viện Chính sách và Phát triển là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên về kiến thức của các cơ quan quản lý Nhà nước ở các cấp cũng như đối với các doanh nghiệp có nhu cầu về nguồn nhân lực có thể áp dụng song song kiến thức kinh tế và tiếng Anh. Việc mở mã ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh trình độ Đại học không chỉ cấp thiết đáp ứng nhu cầu xã hội, mà còn cần thiết cho chính Học viện Chính sách và Phát triển để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ của mình.

2.4.2. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Năm 2009, Học viện đã thành lập Phòng Khoa học và Hợp tác có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc thống nhất quản lý các hoạt động HTQT trong Học viện theo Quy định về Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế tại Học viện Chính sách và Phát triển năm 2012. Năm 2015, để bắt kịp với sự phát triển trong hoạt động HTQT, Học viện đã cập nhật Quy định về Quản lý hoạt động hợp tác tại Học viện. Quy định đã phân định rõ trách nhiệm của Phòng KH&HT và phân cấp quản lý trong hoạt động HTQT cho các đơn vị trong Học viện. Quy định quản lý hoạt động hợp tác quốc tế đã quy định rõ các thủ tục đối với đoàn ra và

đoàn vào, gia hạn thời gian đi công tác/học tập nước ngoài, quản lý người học nước ngoài.

Trong giai đoạn này, Học viện đã tiếp đón các đoàn đại biểu đến từ các trường đại học của các nước, thiết lập quan hệ hợp tác với số lượng đáng kể, như Trường Đại học Darmouth, Portland State (Mỹ),... Qua đó, mở rộng các chương trình hợp tác đào tạo, tổ chức các hội thảo trao đổi học thuật, giao lưu giáo dục, giới thiệu chương trình đào tạo đến sinh viên. Bên cạnh đó, Học viện còn chủ động cử một số đoàn cán bộ lãnh đạo, giảng viên đi giao lưu, khảo sát ở những nước như: Philippines, Mỹ, Pháp, ... để tìm hiểu, thiết lập quan hệ với các trường bạn làm cơ sở cho quan hệ hợp tác về sau. Qua các chuyến đi, các đoàn có cơ hội học hỏi kinh nghiệm tổ chức đào tạo của trường bạn để rút ra được những kinh nghiệm quý báu, vận dụng trong quá trình hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện. Hàng năm, Học viện đều có báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng, trong đó có thống kê số lượng cán bộ, giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn và dài hạn ở nước ngoài. Các chương trình hợp tác với đối tác quốc tế ngày càng gia tăng về chất lượng, số lượng đoàn ra, đoàn vào tăng về số lượng. Học viện đã và đang thực hiện các chương trình hợp tác đào tạo sau:

(1) Chương trình hợp tác đào tạo Cử nhân với Trường Đại học Purdue (Hoa Kỳ) theo nhiều mô hình đào tạo bán phần (2+2);

(2) Chương trình hợp tác đào tạo Cử nhân với Trường Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh) theo nhiều mô hình đào tạo bán phần (3+1);

(3) Học viện đang thảo luận với Đại học Rennes 1, Pháp để đưa CTĐT liên kết Thạc sỹ Kinh tế vào triển khai thực hiện.

Học viện đã ký kết được một số bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác về giáo dục đào tạo và trao đổi học thuật với các Học viện và các tổ chức quốc tế như: Đại học Rennes 1 (Pháp), Đại học Portland, Georgia State, Purdue (Mỹ), Tampere (Phần Lan), Enderun (Philippines), KOICA. Các văn bản thỏa thuận này chủ yếu tập trung vào trao đổi kinh nghiệm trong quản lý đại học, đào tạo tín chỉ, liên kết đào tạo ĐH, sau ĐH, đào tạo ngoại ngữ, trao đổi GV và SV, trao

đổi học thuật, hỗ trợ tổ chức hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng, tập huấn, báo cáo chuyên đề, xây dựng chương trình giảng dạy, hỗ trợ tình nguyện viên.

Từ các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo, Học viện đã có CBGV được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: qua việc trợ giảng/trực tiếp giảng dạy cho các chương trình hợp tác đào tạo bằng tiếng Anh, các giảng viên của Học viện được nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu, được tạo điều kiện nâng cao trình độ học vấn, được đào tạo và tự đào tạo để có thể giảng dạy theo chuẩn quốc tế. Cụ thể, Học viện đã cử 19 giảng viên đi học tập/trao đổi với các trường đối tác tại Châu Âu, Hàn Quốc, New Zealand, Australia, Philippines, Trung Quốc... năm 2017, 03 sinh viên của Học viện đã sang học tập tại Đại học Middlesex, Vương Quốc Anh. Năm 2016, Học viện đã đón 20 sinh viên trao đổi của Tuck School of Business, Dartmouth College, Hoa Kỳ. Học viện đã chủ động được nguồn nhân lực giảng dạy bằng tiếng Anh: Học viện có 8 giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao thuộc Viện Đào tạo Quốc tế.

Giai đoạn 2012-2020, Học viện đã ưu tiên nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên thông qua việc mời chuyên gia nước ngoài đến tổ chức lớp tập huấn, trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu về phương pháp giảng dạy hiện đại.

Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học mang lại những hiệu quả rõ rệt, một số CBGV của Học viện đã được tham gia các dự án nghiên cứu khoa học với sự hợp tác của đối tác và chuyên gia nước ngoài, cũng như có các công trình công bố chung với các giáo sư quốc tế.

Năm 2017, Học viện đang triển khai 01 đề tài thuộc quỹ Nafosted với sự phối hợp nghiên cứu của các chuyên gia quốc tế. Học viện đã tổ chức 19 hội thảo có sự tham gia của các đối tác nước ngoài, nổi bật năm 2015, Học viện tổ chức thành công chuỗi Seminar về thương mại quốc tế với sự tài trợ của USAID và sự tham gia trao đổi của các học giả nổi tiếng và các chuyên gia hàng đầu như Nguyên đại sứ Mỹ tại Việt Nam Ted Osius hay giám đốc Ngân hàng thế giới tại Việt Nam Victoria Kwakwa. Cùng với chuỗi sự kiện do USAID tài trợ, Học viện

đã tổ chức nhiều khóa tập huấn dành cho các lãnh đạo trên khắp các tỉnh thành trên cả nước được cấp giấy chứng nhận do Hoa Kỳ cấp.

Bên cạnh đó, hàng năm, Học viện phối hợp với Tổ chức trao đổi nguồn nhân lực quốc tế Hoa Kỳ (REI) để cử các đoàn chuyên gia Hoa Kỳ đến làm việc và trao đổi chuyên môn, nói chuyện chuyên đề, tổ chức tọa đàm. Tính đến nay có khoảng 56 lớp với sự tham gia của giảng viên, cán bộ và sinh viên Học viện.

Học viện đã có các đề xuất chính sách được chấp nhận thông qua hoạt động hợp tác ứng dụng kết quả NCKH vào thực tiễn, cụ thể: những đề xuất chính sách trong lĩnh vực nợ công, quản lý nợ công và TPP bắt nguồn từ những đề tài hợp tác nghiên cứu của CBGV Học viện phối hợp cùng các chuyên gia của Ngân hàng Thế giới.

PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh Chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh.

Tiếng Anh: English Language Studies Major in Economics and Business.

Mã số ngành đào tạo:

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 4 năm

Chuyên ngành: Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh

Tên tiếng Anh: Bachelor of Arts in English Language Studies Major in Economics and Business

3.1. Mục tiêu đào tạo

3.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Chương trình đào tạo cũng góp phần nâng cao đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; tinh thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật và tinh thần học tập suốt đời cho sinh viên.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh tại Học viện Chính sách và Phát triển sẽ tuân theo qui định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng đến các mục tiêu sau:

+ Đào tạo cho người học những kiến thức nền tảng của ngôn ngữ Anh theo hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho sinh viên năng lực chuyên môn, kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ Anh thành thạo và kỹ năng nghề nghiệp thực tế.

+ Đào tạo những kiến thức tiếng Anh chuyên sâu về Kinh tế và Kinh doanh; thông thạo các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết bằng tiếng Anh, nắm vững các kiến thức về ngôn ngữ học, am hiểu về văn hóa các nước nói tiếng Anh, có kỹ năng nghiệp vụ tốt, có kiến thức chuyên ngành và biết sử dụng các kỹ thuật và phương pháp biên dịch để hoàn thành nhiệm vụ nghề nghiệp của mình, có khả năng thực hiện các nghiên cứu khoa học quy mô nhỏ.

+ Đào tạo kiến thức về quản trị đa văn hóa; văn hóa đạo đức kinh doanh; marketing; kế toán. Ngoài ra, quá trình đào tạo cũng cung cấp cho người học kiến thức về tài chính tiền tệ; tài chính doanh nghiệp; đầu tư quốc tế; thương mại điện tử căn bản và đàm phán thương mại quốc tế.

+ Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, trách nhiệm nghề nghiệp, có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, làm việc theo nhóm, có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, học tập và làm việc tốt trong môi trường có sử dụng ngoại ngữ là tiếng Anh, có năng lực tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

3.1.3. Về trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt trình độ cử nhân Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo.

+ Có kỹ năng giao tiếp tiếng Trung tương đương chuẩn quốc tế HSK mới cấp 2-3 (trình độ sơ cấp).

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là các chứng chỉ chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

3.1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến ngôn ngữ, kinh tế và kinh doanh.

3.1.5. Vị trí việc làm

Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh khi ra trường có thể đảm nhận các công việc trong khu vực Nhà nước, tư nhân và các tổ chức khác tại các vị trí như:

+ Biên dịch, quan hệ quốc tế và đối ngoại tại các doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông, các tổ chức có các hoạt động kinh tế và kinh doanh của Việt Nam và quốc tế.

+ Nhân viên kinh doanh, nghiên cứu thị trường trong các đơn vị hoặc tập đoàn kinh doanh, doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế.

+ Các vị trí khác trong các phòng chức năng của các tổ chức, với lợi thế đặc biệt về sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh.

+ Nếu được bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ sư phạm, các cử nhân tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh cũng có thể đảm nhận công tác giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành Tiếng Anh Kinh tế và Kinh doanh tại các cơ sở đào tạo khác nhau.

3.2. Chuẩn đầu ra

3.2.1. Về kiến thức

a) Kiến thức chung của Học viện Chính sách và Phát triển

[1]. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2]. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh; khả năng quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh hợp pháp, phù hợp với các tiêu chuẩn đạo đức của xã hội và môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế.

[3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4]. Nắm được quy trình và các tác động trong vận hành nền kinh tế thị trường với tài nguyên, sản phẩm và dịch vụ ứng với đặc điểm, cấu trúc và hành vi của nền kinh tế thị trường.

[5]. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, kiến thức văn hóa, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b) Kiến thức chuyên sâu

[6]. Có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh; thông thạo các kỹ năng nghe nói đọc viết và các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh của doanh nghiệp; có khả năng khai thác các tài liệu liên quan đến chuyên ngành kinh tế và kinh doanh; có kiến thức về quản trị, tài chính tiền tệ, thương mại điện tử và đầu tư trong nước cũng như quốc tế.

[7]. Có kiến thức về biên dịch Anh-Việt, Việt-Anh, về kinh tế, kinh doanh, kinh tế đối ngoại, thương mại quốc tế, tài chính, marketing, giao tiếp kinh doanh để có thể ứng dụng trong công tác chuyên môn và hội nhập xã hội.

[8]. Có tư duy vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ học và giao tiếp kinh doanh trong môi trường liên văn hóa nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Có khả năng sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành trong giao tiếp và thư tín để đàm phán đạt hiệu quả cao.

[9]. Biết vận dụng các kiến thức ngôn ngữ trong xử lý tình huống phục vụ chuyên môn nghiệp vụ.

3.2.2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghề nghiệp

[10]. Kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn về kinh tế và kinh doanh trong giao tiếp, khả năng thuyết trình, phân tích và giải quyết nhanh vấn đề, giúp làm việc hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn sử dụng tiếng Anh.

[11]. Kỹ năng quản lý và hoàn thành chuyên môn nhiệm vụ chính xác, theo thời hạn. Dự thảo thư từ và tài liệu sử dụng kỹ năng tiếng Anh và ngữ pháp tốt. Giao tiếp rõ ràng với khách hàng trong và ngoài công ty bằng tiếng Anh. Duy trì tính bảo mật và sự thận trọng nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc.

b) Kỹ năng mềm

[12]. Có khả năng sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp và các văn bản đơn giản và các kỹ năng tin học văn phòng.

[13]. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kĩ năng tổ chức và điều hành công việc, đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo với các phần mềm quản lý cơ bản.

3.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

[14]. Có phẩm chất chính trị; có kiến thức về lịch sử truyền thống dân tộc; sức khoẻ tốt;
lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[15]. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo, có khả năng đưa ra
được kết luận về chuyên môn ở mức độ căn bản; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.

[16]. Sẵn sàng đương đầu với rủi ro, khó khăn, luôn kiên trì, tự tin, lạc quan, sáng tạo
trong công việc và cuộc sống.

SỐ TT	MÃ SỐ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																		
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x												x	x	x
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin		x												x	x	x
3	KHMI01	Kinh tế vi mô		x	x	x	x					x					x	x
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô		x	x	x	x					x					x	x
5	THLS07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x													x	x	x
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			x												x	x
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương		x							x						x	x
8	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x			x									x	x
9	NNTT01	Ngoại ngữ cơ sở 1 (Tiếng Trung)											x				x	x
10	NNTT02	Ngoại ngữ cơ sở 2 (Tiếng Trung)											x				x	x
11	NNTT03	Ngoại ngữ cơ sở 3 (Tiếng Trung)											x				x	x
12	TOĐC06	Tin học đại cương			x								x				x	x
13	TOCC01	Toán cao cấp			x												x	x
14	THML04	Triết học Mác-Lê	x													x	x	x
15	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x													x	x	x
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																		
2.1 KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH																		
2.1.1 CƠ SỞ NGÀNH BẮT BUỘC																		
16	NNTA01	Ngữ âm – âm vị						x				x					x	x
17	NNTA02	Ngữ pháp						x				x					x	x

18	NNTA03	Thực hành tiếng - Nghe						x				x					x	x
19	NNTA04	Thực hành tiếng – nói						x				x					x	x
20	NNTA05	Thực hành tiếng – đọc						x				x					x	x
21	NNTA06	Thực hành tiếng – viết						x				x					x	x
2.1.2 CƠ SỞ NGÀNH TỰ CHỌN																		
22	NNTA07	Giao thoa văn hóa								x			x				x	x
23	NNTA08	Dẫn luận ngôn ngữ						x		x							x	x
24	NNTA23	Cơ sở văn hóa Việt Nam								x							x	x
25	NNTA09	Ngôn ngữ học đối chiếu						x					x				x	x
26	NNTA10	Tiếng Việt thực hành															x	x
27	NNTA11	Phân tích diễn ngôn						x					x				x	x
2.2 KIẾN THỨC NGÀNH																		
2.2.1 KIẾN THỨC NGÀNH BẮT BUỘC																		
28	NNTA12	Tiếng Anh học thuật Nghe						x				x			x		x	x
29	NNTA13	Tiếng Anh học thuật Nói						x				x			x		x	x
30	NNTA14	Tiếng Anh học thuật Đọc						x				x			x		x	x
31	NNTA15	Tiếng Anh học thuật Viết						x				x			x		x	x
32	NNTA16	Tiếng Anh thực hành 1						x				x			x		x	x
33	NNTA17	Tiếng Anh thực hành 2						x				x			x		x	x
34	NNTA18	Tiếng Anh thực hành 3						x				x			x		x	x
35	NNTA19	Tiếng Anh thực hành 4						x				x			x		x	x
2.2.2 KIẾN THỨC NGÀNH TỰ CHỌN																		
36	ĐNTT16	Thư tín thương mại						x		x		x	x		x		x	x
37	NNTA20	Quản trị đa văn hóa						x		x		x	x		x	x	x	x
38	KHKT11	Kinh tế phát triển						x				x	x		x		x	x
39	QTVH 1101	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	x		x			x		x		x	x		x	x	x	x
2.3 KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH																		
2.3.1 CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC																		
40	NNTA21	Thực hành biên dịch 1						x	x			x	x		x		x	x
41	NNTA22	Thực hành biên dịch 2						x	x			x	x		x		x	x
42	CLCMR24	Ngôn ngữ kinh tế - kinh						x	x			x	x		x		x	x

		doanh 1: Nguyên lý Marketing																	
43	CLCKT21	Ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh 2: Nguyên lý Kế toán			x			x	x			x	x			x		x	x
44	CLCTT23	Ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh 3: Lý thuyết tài chính tiền tệ						x	x			x	x			x		x	x
2.3.2 CHUYÊN NGÀNH LỰA CHỌN																			
45	CLCHV12	Giới thiệu về hành vi tổ chức		x								x	x	x		x		x	x
46	CLCHO10	Giới thiệu về quản trị		x								x	x	x		x		x	x
47	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp		x								x	x	x		x		x	x
48	CLCDT09	Đầu tư quốc tế		x								x	x	x		x		x	x
49	QTKD14	Thương mại điện tử		x								x	x	x		x		x	x
50	ĐNĐP06	Đàm phán kinh tế quốc tế		x				x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
2.4 THỰC TẬP KHÓA LUẬN VÀ TỐT NGHIỆP			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

3.3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ.

3.4. Đối tượng và phương thức tuyển sinh

❖ Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

❖ Phương thức tuyển sinh:

a) Phương thức xét tuyển thẳng

Theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Phương thức xét tuyển riêng

- Xét tuyển thẳng:

+ **Đối tượng 1:** Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố một trong các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Học viện

+ **Đối tượng 2:** Thí sinh học tại các trường chuyên, có điểm trung bình chung học tập lớp 12 từ 7,0 trở lên.

+ **Đối tượng 3:** Thí sinh học tại các trường THPT có điểm trung bình chung học tập lớp 12 từ 7,0 điểm trở lên và có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời

hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 4.5 trở lên hoặc tương đương (TOEIC 450, TOEFL: 450 ITP; 133 CBT; 45 iBT; ...)

- Xét tuyển dựa trên điểm trung bình chung học tập 03 học kỳ:

+ Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh có điểm trung bình cộng (TBC) của điểm trung bình chung học tập 03 học kỳ (2 học kỳ lớp 11 và HK1 lớp 12) từ 7,0 trở lên.

+ Điểm xét tuyển = (TBCHK1 lớp 11 + TBCHK2 lớp 11 + TBCHK1 lớp 12 + điểm ưu tiên nếu có)/3.

- Xét tuyển dựa trên tổng điểm trung bình chung học tập lớp 12 của các môn nằm trong tổ hợp xét tuyển của Học viện:

+ Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh có tổng điểm trung bình chung học tập lớp 12 của Môn Toán và 2 môn bất kỳ (trong số các môn: Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Lịch sử, Địa lý) từ 21,0 điểm

- Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT:

- Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1 theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo với các tổ hợp xét tuyển như sau:

- Toán, Vật Lý, Hóa học
- Toán, Vật Lý, Tiếng Anh
- Toán, Vật Lý, Ngữ Văn
- Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh

3.5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

3.6. Cách thức đánh giá (thang điểm)

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

3.7. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	41	15	32.3%
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	86	29	67.7%
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	24	9	18.9%
-	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	18	6	14.2%
-	Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn	6	3	4.7%
2.2	Kiến thức ngành	28	10	22%
-	Kiến thức ngành bắt buộc	24	8	18.9%
-	Kiến thức ngành lựa chọn	4	2	3.1%
2.3	Kiến thức chuyên ngành	24	8	18.9%
-	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	15	5	11.8%
-	Kiến thức chuyên ngành lựa chọn	9	3	7.1%
2.4	Thực tập và Khoá luận	10	2	7.9%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)		127	44	100%

Số môn: 42; Số tín chỉ: 117 tín chỉ (chưa kể thực tập và khóa luận).

3.8. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC &QP)				41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên cần nắm được những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội – con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	3	
2	THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về bản chất hàng hóa, quy luật kinh tế hàng hóa; hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư; xu thế kinh tế chính trị hiện đại.	2	
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về nguyên lý kinh tế cơ bản; thị trường, quan hệ cung cầu, hành vi tiêu dùng	3	
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản; hạch toán thu nhập quốc dân; nguyên lý ban đầu của các chính sách kinh tế vĩ mô	3	
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ hiện nay	2	

6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên và các công thức tính xác suất. Hiểu các thu thập số liệu mẫu, tính toán các tham số mẫu để từ đó giải quyết được các bài toán ước lượng và kiểm định.	3	
7	THLG01	Pháp luật đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các nguyên lý cơ bản về pháp luật, các bộ luật cơ bản, các thể thức văn bản quy phạm pháp luật của Việt nam	3	
8	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên cần nắm được kiến thức về kỹ năng nhận dạng, xây dựng, phát triển, thiết kế khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề khoa học	3	
9	NNTT01	Ngoại ngữ cơ sở 1 (Trung)	Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp, và những câu giao tiếp đơn giản theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.	3	
10	NNTT02	Ngoại ngữ cơ sở 2 (Trung)	Sinh viên được củng cố các kiến thức về ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp cơ bản và những câu giao tiếp đơn giản. Cơ bản hoàn thiện hệ thống kiến thức tiếng Trung Quốc sơ cấp dùng trong sinh hoạt hàng ngày.	3	
11	NNTT03	Ngoại ngữ cơ sở 3 (Trung)	Sinh viên luyện tập ngữ âm cơ bản tiếng Hán, nắm được kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, để nâng cao hơn nữa khả năng biểu đạt thành đoạn văn của bằng tiếng Trung	3	
12	TOĐC06	Tin học đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về mạng và internet; tin học văn phòng.	3	

13	TOCC01	Toán cao cấp	Sinh viên cần nắm được các phương pháp toán ứng dụng trong phân tích kinh tế như mô hình tuyến tính, ma trận, định thức. Ngoài ra, sinh viên cần nắm được các kiến thức nâng cao đạo hàm, vi phân, tích phân, cực trị hàm số và ứng dụng.	3	Không tính điểm
14	THML04	Triết học Mác- Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức; quy luật vận động, phát triển.	3	
15	THTT042	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, nội dung lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề của cách mạng Việt Nam	2	
16	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	Cung cấp kiến thức về an ninh, quốc phòng và bảo vệ tổ quốc cho sinh viên.	8	Không tính điểm
17	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
18	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
19	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				89	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				26	
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc				20	
20	NNTA01	Ngữ âm - âm vị học	Cung cấp kiến thức cơ bản ở mức độ dẫn luận về ngữ âm và âm vị học và một số phương pháp nghiên cứu ngữ âm và âm vị học để giúp người học có kiến thức nhất định trong việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	3	

21	NNTA 02	Ngữ pháp	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản ở mức độ dẫn luận về ngữ pháp trong phạm vi ngữ pháp học và một số phương pháp nghiên cứu ngữ pháp tương ứng để giúp họ có một kiến thức nhất định trong việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng phân tích và đánh giá về một số vấn đề có liên quan.	3	
22	NNTA 03	Thực hành tiếng - Nghe	Sinh viên cần nắm được các kỹ năng nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu thông tin cụ thể, nghe để phân biệt các ngữ điệu của người nói và phân biệt được các từ được nhấn trọng âm trong câu.	3	
23	NNTA 04	Thực hành tiếng - Nói	Sinh viên cần nắm được các bước cơ bản của một cuộc hội thoại, nắm vững các cấu trúc ngữ pháp và hệ thống từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc, hiểu được sự khác biệt về văn hóa trong đàm thoại.	3	
24	NNTA 05	Thực hành tiếng - Đọc	Sinh viên nắm được các kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh, nắm vững các cấu trúc ngữ pháp và hệ thống từ vựng liên quan đến một số lĩnh vực cơ bản trong cuộc sống, có vốn kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội	3	
25	NNTA 06	Thực hành tiếng - Viết	Sinh viên nắm vững các bước viết một đoạn văn, nắm vững kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, các phương tiện liên kết dùng trong đoạn văn và sự khác biệt của đoạn văn miêu tả, nêu ý kiến, so sánh đối chiếu và nêu vấn đề / giải pháp.	3	

2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn				6	
26	NNTA 07	Giao thoa văn hóa	Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng trong giao tiếp với người nước ngoài, nhằm tránh những diễn giải sai lệch trong giao tiếp, những hiểu lầm dẫn đến sốc văn hoá và làm ảnh hưởng, ngừng trệ trong giao tiếp. Học phần được giảng dạy với bốn chủ đề: Giao tiếp qua lời nói trong các nền văn hóa khác nhau, giao tiếp phi ngôn ngữ ở các nước khác nhau, những xung đột về văn hóa và sự điều chỉnh trong hành vi văn hóa.	2	
27	NNTA 08	Dẫn luận ngôn ngữ	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm học, hình thái học, ngữ pháp học, và ngữ nghĩa học (từ vựng) một cách sơ bộ và hệ thống. Những kiến thức này giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh được chính xác về mặt ngôn ngữ, từ phát âm đến sử dụng từ và cấu trúc câu.	2	
28	NNTA 23	Cơ sở văn hóa Việt nam	Môn học cung cấp hai khối kiến thức cơ bản: phần thứ nhất cung cấp cho sinh viên các tri thức lí luận căn bản về văn hóa và văn hóa học; bao gồm các vấn đề cơ bản như khái niệm, định nghĩa về văn hóa, đặc trưng, chức năng của văn hóa, cấu trúc và loại hình văn hóa cũng như các tri thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: diễn trình văn hóa Việt Nam, thành tố cơ bản của văn hóa, các vùng văn hóa Việt Nam, văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay.		

29	NNTA 09	Ngôn ngữ học đối chiếu	Học phần này cung cấp cho người học công cụ về mặt lý thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với một ngoại ngữ nhằm hiểu sâu hơn cả hai ngôn ngữ, cung cấp các thao tác cụ thể để sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ.	2	
30	NNTA 10	Tiếng Việt thực hành	Qua học phần, người học có thể hệ thống hóa các nguyên tắc cơ bản trong thực tế sử dụng tiếng Việt (trong tạo lập cũng như tiếp nhận văn bản), từ đó có thể sử dụng tiếng Việt chính xác và sáng tạo.	2	
31	NNTA 11	Phân tích diễn ngôn	Học phần cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về Phân tích Diễn ngôn, bao gồm mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, đặc điểm tính chất của văn nói và văn viết. Mặt khác học phần còn giới thiệu một số khái niệm cơ bản về Ngữ dụng học như lý thuyết hành vi ngôn ngữ, hàm ngôn hội thoại, phương châm hội thoại.	2	
2.2. Kiến thức ngành				29	
2.2.1. Ngành bắt buộc				20	
32	NNTA 12	Tiếng Anh học thuật Nghe	Sinh viên cần nắm được các chiến lược giao tiếp phù hợp trong các tình huống giao tiếp khác nhau, những kỹ năng nghe cơ bản; nghe lướt tìm thông tin và tóm tắt ngắn gọn qua các bài phỏng vấn, chương trình truyền hình để mở rộng, phát triển các kỹ năng, kiến thức ngôn ngữ lên trình độ trung cấp (Intermediate).	3	

33	NNTA 13	Tiếng Anh học thuật Nói	Sinh viên cần nắm được kỹ năng giao tiếp tiếng Anh bằng lời nói, hiểu được các bước đàm thoại, diễn đạt ý đã học thông qua việc đóng vai, diễn kịch. phát triển kỹ năng thảo luận nhóm bằng tiếng Anh về sự khác biệt trong văn hóa giao tiếp trong công việc liên quan đến Công việc, Công ty, Sản phẩm, Cạnh tranh, Marketing, Đầu tư, Nhân sự...	3	
34	NNTA 14	Tiếng Anh học thuật Đọc	Sinh viên cần nắm được các kỹ năng và kiến thức về các nền văn hóa khác nhau, phân biệt được các ý then chốt, các ý tương hỗ, phân biệt giữa thực tế và ý kiến trong bài đọc về các chủ đề như con người, giới tính và các mối quan hệ, công nghệ, sức khỏe, môi trường, và các vấn đề xã hội.	3	
35	NNTA 15	Tiếng Anh học thuật Viết	Sinh viên cần nắm được quy trình viết một bài luận khoảng 300-350 từ với cấu trúc hoàn chỉnh; biết tìm ý và dựng dàn ý cho bài luận; viết phần mở đầu, đặc biệt là câu chủ đề (thesis), và phần kết thúc cho từng loại bài luận như miêu tả quá trình, nguyên nhân kết quả, so sánh đối chiếu, phân loại, nghị luận và tranh luận.	3	
36	NNTA 16	Tiếng Anh thực hành 1	Sinh viên cần nắm được các cấu trúc ngữ pháp đơn giản; các quy tắc phát âm đúng nguyên âm và phụ âm, những kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp; kỹ năng đàm phán, kỹ năng thảo luận, kỹ năng viết báo cáo, kỹ năng phát biểu trong cuộc họp; phát	3	

			triển vốn từ vựng sử dụng trong môi trường kinh doanh và thực hành thành thạo 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết.		
37	NNTA 17	Tiếng Anh thực hành 2	Sinh viên cần nắm vững các quy luật ngữ pháp cấu trúc so sánh hơn và so sánh nhất của tính từ, các thời hiện tại, các thời quá khứ, các thời tương lai, câu điều kiện loại 1+2. Đồng thời sinh viên có thể dung được 250 cấu trúc ngôn ngữ dùng trong kinh doanh; đọc và nghe hiểu một đoạn văn về những chủ điểm gắn liền với thực tế cuộc sống xã hội, kinh tế, văn hoá và khoa học.	3	
38	NNTA 18	Tiếng Anh thực hành 3	Sinh viên cần nắm vững kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng thực hành tiếng ở cấp độ nâng cao. Sinh viên sẽ được trang bị vốn kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết theo một hệ thống chủ điểm về xã hội, tự nhiên, văn hoá, kinh tế, và môi trường ở cấp độ cao.	3	
39	NNTA 19	Tiếng Anh thực hành 4	Sinh viên cần nắm vững từ vựng trong kinh doanh; những cấu trúc ngữ pháp quan trọng như các loại câu điều kiện, câu bị động, mạo từ, tính từ và trạng từ; sử dụng ngôn ngữ nhuần nhuyễn trong việc kiểm tra và làm rõ thông tin, viết thư, CV, email cho ngân hàng, báo cáo.	3	
2.2.2. Ngành tự chọn				9	
40	ĐNTT1 6	<i>Thư tín Thương mại</i>	- Sinh viên cần nắm được: các kiến thức lý luận và thực		

	NNTA 20		tiền về thư tín thương mại trong giao dịch nội địa và quốc tế; các kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự nghiên cứu, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề; có kỹ năng soạn thảo thư tín, viết email giao dịch nội địa và quốc tế.	3	
41	KHKT 11	Quản trị đa văn hóa	Sinh viên cần nắm được: những nội dung cơ bản về văn hóa, khác biệt văn hóa, ảnh hưởng của sự khác biệt văn hóa đến nhà quản trị và hoạt động nhà quản trị cũng như các chiến lược quản trị đa văn hóa. Người học có thể phân tích và giải quyết tình huống về ảnh hưởng của sự khác biệt văn hóa đến hoạt động quản trị hoặc các tình huống về quản trị đa văn hóa trong hoạt động kinh doanh quốc tế; hiểu, phân tích được các mô hình văn hóa doanh nghiệp đặc trưng ở các nền văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa quốc gia đối với văn hóa doanh nghiệp, cũng như các phong cách lãnh đạo và một số phong cách lãnh đạo đặc trưng qua các nền văn hóa; hiểu và phân tích được ảnh hưởng của khác biệt văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, từ đó có thể đề xuất những kỹ năng cần thiết để khai thác được những thế mạnh từ sự khác biệt văn hóa cũng như để giảm thiểu những tác động không tích cực của sự khác biệt văn hóa trong quá trình giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế.	3	

42	QTVH 1101	Kinh tế phát triển	Sinh viên cần nắm được: Các kiến thức lý luận cơ bản về các vấn đề phát triển kinh tế trong điều kiện các quốc gia đang phát triển, bao gồm: tăng trưởng kinh tế, các yếu tố tạo nên tăng trưởng kinh tế, các vấn đề về cơ cấu kinh tế và công bằng xã hội; hiểu được vai trò của các yếu tố nguồn lực như vốn, lao động, tài nguyên môi trường và khoa học công nghệ đối với việc tạo ra tăng trưởng cao một cách hiệu quả nhất trong điều kiện của các quốc gia đang phát triển; hiểu được lý do cần có một cơ cấu kinh tế theo ngành hợp lý và các quan điểm khác nhau trong vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế để có được sự phát triển bền vững cho các quốc gia đang phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của từng quốc gia.	3	
43	ĐNTT1 6	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Sinh viên cần nắm được: những công cụ, phương pháp, kỹ năng cần thiết để xây dựng văn hoá và đạo đức kinh doanh ở một chủ thể kinh doanh cụ thể, góp phần làm cho kinh doanh đạt được kết quả cao và phát triển bền vững; những vấn đề thực tiễn, những xung đột phức tạp và những vấn đề khó xử, thông qua các nghiên cứu tình huống để người học tiếp cận được các vấn đề của <i>Văn hóa và đạo đức kinh doanh</i> trong việc đối mặt với các vấn đề quản lý.	3	
2.3. Kiến thức chuyên ngành				24	
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc				18	

44	NNTA 21	Thực hành Biên dịch 1	Sinh viên cần nắm được: vốn từ vựng liên quan đến chuyên ngành; những kiến thức nền tảng về các phương pháp biên dịch, các phương pháp dịch thuật; các cấu trúc ngữ pháp, những điểm tương đồng và khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong các kiểu dịch Anh - Việt, Việt - Anh liên quan đến chuyên ngành.	3	
45	NNTA 22	Thực hành Biên dịch 2	Sinh viên cần nắm được: những kiến thức trọng tâm về các phương pháp biên dịch, những bước chính của quá trình biên dịch như phân tích - chuyển đổi - tái tạo cấu trúc; có khả năng thực hành biên dịch các bản tin trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, xã hội, giáo dục	3	
46	CLCM R24	Ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh 1: Nguyên lý Marketing	Sinh viên cần nắm được: các khái niệm chính về marketing; các khái niệm chính của marketing có thể được sử dụng trong việc phân tích một loạt các vấn đề marketing	3	
47	CLCK T21	Ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh 2: Nguyên lý Kế toán	Sinh viên nắm được các khái niệm về môi trường kinh tế mà một doanh nghiệp hoạt động và vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong các quyết định kinh doanh và đầu tư; các giao dịch tài chính cơ bản và mối quan hệ của kế toán tài chính với các hoạt động chính của doanh nghiệp; đo lường kế toán và quy trình xác định, thu thập, đo lường, tổng hợp dữ liệu tài chính trong hoạt động kinh	3	

			doanh; nắm được các nội dung, khái niệm, cấu trúc và ý nghĩa của báo cáo tài chính đối với những người sử dụng bên ngoài.		
48	CLCTT 23	Ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh 3: Lý thuyết tài chính tiền tệ	Sinh viên cần nắm được các khái niệm về nguyên tắc và mô hình cơ bản trong tài chính ngân hàng; kiến thức cơ bản về cách chính sách tiền tệ và thị trường tài chính tương tác với nhau; các chính sách tiền tệ và sự cân bằng giữa thất nghiệp và lạm phát; tầm quan trọng của quy định tài chính.	3	
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn				6	
49	CLCHV12	Giới thiệu về hành vi tổ chức	Sinh viên xác định và thảo luận về các yếu tố ngữ cảnh trong môi trường của tổ chức ảnh hưởng đến cách mọi người, người quản lý và tổ chức tương tác; mô tả cách thức ra quyết định, lập kế hoạch, lãnh đạo, tổ chức và kiểm soát có thể được quản lý trong tổ chức; nắm được cách kiểm tra tác động đối với các cá nhân và tổ chức của các vấn đề đương đại trong quản lý, bao gồm lợi ích của các bên liên quan, đạo đức và trách nhiệm xã hội; áp dụng các kỹ năng viết học thuật, nghiên cứu, đặt câu hỏi và phân tích theo yêu cầu của ngành quản lý.	3	

	CLCHO10	Giới thiệu về quản trị	Sinh viên nắm được bản chất của công việc quản lý trong tổ chức; các lý thuyết về quản lý và lịch sử phát triển của chúng; các vấn đề và thực tiễn đương thời liên quan đến quản lý con người và tổ chức; các yếu tố chính trong môi trường của tổ chức ảnh hưởng đến cách thức hoạt động của các nhà quản lý và tổ chức.		
50	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	Sinh viên nắm được khái niệm về tài chính doanh nghiệp, nội dung, cấu trúc cơ bản của các báo cáo tài chính và lưu chuyển tiền tệ; phân tích báo cáo tài chính và các mô hình tài chính, rủi ro, chi phí vốn và định giá, tài chính ngắn hạn, lập ngân sách vốn,	3	
51	CLCDT09	Đầu tư quốc tế	Sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản và xu hướng đầu tư hiện tại của thế giới, các loại chính của dòng tài chính; nghiên cứu tác động tích cực và tiêu cực của đầu tư nước ngoài đối với phát triển kinh tế và tổng quan về chế độ pháp lý hiện đại trong đầu tư nước ngoài; xem xét các vấn đề đương đại trong đầu tư quốc tế; áp dụng các kỹ năng viết học thuật, nghiên cứu, đặt câu hỏi và phân tích theo yêu cầu của chuyên ngành kinh tế quốc tế.	3	

52	QTKD14	Thương mại điện tử	Sinh viên nắm được những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.	3	
53	ĐNĐP06	Đàm phán kinh tế quốc tế	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về đàm phán nói chung và đàm phán kinh tế quốc tế nói riêng từ góc độ khoa học, nghệ thuật và nghiệp vụ; nhiều góc độ của đàm phán sẽ được phân tích như lợi ích, luật pháp, quyền lực, đạo đức, yếu tố tâm lý, cảm xúc, thời gian, văn hoá...; các kỹ năng hùng biện, lễ nghi, văn hóa trong giao dịch đàm phán và cách xem xét, ứng xử trước những đối tác khác nhau; vận dụng lý thuyết ứng dụng vào quá trình, tổ chức đàm phán và làm việc nhóm trong quá trình phối hợp đàm phán kinh tế và kinh doanh quốc tế.	3	
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				10	
54	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp		4	
55	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp		6	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)				127	

PHÂN CHIA CTĐT THEO CÁC HỌC KỲ

Học kỳ 1: 18

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	NNTA03	Thực hành tiếng - Nghe	3
2	NNTA04	Thực hành tiếng - Nói	3
3	NNTA05	Thực hành tiếng – Đọc	3
4	NNTA06	Thực hành tiếng – Viết	3
5	NNTA01	Ngữ âm – Âm vị học	3
6	THML04	Triết học Mác - Lênin	3

Học kỳ 2: 17

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	NNTA12	Tiếng Anh học thuật - Nghe	3
2	NNTA13	Tiếng Anh học thuật - Nói	3
3	NNTA14	Tiếng Anh học thuật – Đọc	3
4	NNTA15	Tiếng Anh học thuật – Viết	3
5	NNTA02	Ngữ pháp	3
6	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2

Học kỳ 3: 17

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	NNTA16	Tiếng Anh thực hành 1	3
2	THLS07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
3	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3
5	NNTT01	Ngoại ngữ cơ sở- tiếng Trung 1	3
6	KHMI01	Kinh tế vi mô	3
7	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3

Học kỳ 4: 16

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2
2	KHMA02	Kinh tế vĩ mô	3
3	TOCC01	Toán cao cấp	3
5	NNTA17	Tiếng Anh thực hành 2	3
6	NNTT02	Ngoại ngữ cơ sở- tiếng Trung 2	3
7	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2

Học kỳ 5: 18

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	CLCMR24	Ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh 1: Nguyên lý Marketing	3
2	NNTA18	Tiếng Anh thực hành 3	3
3	NNTT03	Ngoại ngữ cơ sở- tiếng Trung 3	3
5	NNTA07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
6	NNTA08	Giao thoa văn hóa	Lựa chọn 3 trong 6 học phần
7	NNTA23	Dẫn luận ngôn ngữ	
8	NNTA09	Cơ sở văn hóa Việt nam	
9	NNTA10	Ngôn ngữ học đối chiếu	
10	NNTA11	Tiếng Việt thực hành	
11	NNTA07	Phân tích diễn ngôn	

Học kỳ 6: 16

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	NNTA19	Tiếng Anh thực hành 4	3
	NNTA21	Thực hành Biên dịch 1	3
2	CLCKT21	Ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh 2: Nguyên lý Kế toán	3
4	TOĐC06	Tin học đại cương	3
5	ĐNTT16	Thư tín Thương mại	Lựa chọn 2 trong 4 học phần
6	NNTA20	Quản trị đa văn hóa	
7	KHKT11	Kinh tế phát triển	
8	QTVH 1101	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	

Học kỳ 7: 15

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	CLCTT23	Ngôn ngữ kinh tế - kinh doanh 3: Lý thuyết tài chính tiền tệ	3
2	NNTA22	Thực hành Biên dịch 2	3
3	CLCHV12	Giới thiệu về hành vi tổ chức	Lựa chọn 3 trong 6 học phần
4	CLCHO10	Giới thiệu về quản trị	
5	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	
6	CLCDT09	Đầu tư quốc tế	
7	QTKD14	Thương mại điện tử	
8	ĐNĐP06	Đàm phán kinh tế quốc tế	

Học kỳ 8: 10

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	4
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	6